

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2015

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phan Thị Huyền Trang**  
**Giảng viên hướng dẫn: ThS. Hòa Thị Thanh Hương**

**HẢI PHÒNG - 2018**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH  
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN  
THƯƠNG MẠI VẬN TẢI HOÀNG SƠN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phan Thị Huyền Trang  
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Hòa Thị Thanh Hương**

**HẢI PHÒNG - 2018**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Phan Thị Huyền Trang

Mã SV: 1412601039

Lớp: QT1803K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại  
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Hoàng Sơn

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
  - ✓ Tìm hiểu lý luận về công tác lập và phân tích BCĐKT trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa.
  - ✓ Tìm hiểu thực tế công tác lập và phân tích BCĐKT tại đơn vị thực tập.
  - ✓ Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác lập và phân tích BCĐKT nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- ✓ Sưu tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác lập và phân tích BCĐKT năm 2016 tại Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Hoàng Sơn.

.....  
.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

**Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Hoàng Sơn**

.....  
.....

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

### Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Hòa Thị Thanh Hương

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Hoàng Sơn.

### Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày ..... Tháng..... năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 02 tháng 11 năm 2018

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

*Người hướng dẫn*

*ThS. Hòa Thị Thanh Hương*

*Hải Phòng, ngày ..... tháng ..... năm 2018*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP**

Họ và tên giảng viên: **Th.S Hòa Thị Thanh Hương**  
Đơn vị công tác: Khoa Quản trị kinh doanh  
Họ và tên sinh viên: **Phan Thị Huyền Trang** Chuyên ngành: KT - KT  
Đề tài tốt nghiệp: *Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Hoàng Sơn*

**Nội dung hướng dẫn:**

Tìm hiểu lý luận về công tác lập và phân tích BCĐKT theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC và sửa đổi theo TT138/2011/TT-BTC, điểm mới của TT133/2016/TT-BTC; Tìm hiểu thực tế công tác lập và phân tích BCĐKT tại đơn vị thực tập; Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác lập và phân tích BCĐKT, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp**

- ✓ Chịu khó sưu tầm lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ đề tài;
- ✓ Luôn hoàn thành tiến độ đã qui định;
- ✓ Có trách nhiệm với công việc được giao;

**2. Đánh giá chất lượng của đồ án/ khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)**

- ✓ Khóa luận tốt nghiệp có bố cục hợp lý, khoa học;
- ✓ Đã khái quát hóa được lý luận về công tác lập và phân tích BCĐKT theo theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC và sửa đổi theo TT138/2011/TT-BTC, đã chỉ ra những điểm mới của TT133/2016/TT-BTC về BCĐKT;
- ✓ Phản ánh được qui trình lập và phân tích BCĐKT tại Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Hoàng Sơn với số liệu logic;
- ✓ Đã đánh giá được ưu nhược điểm cơ bản trong công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Hoàng Sơn trên cơ sở đó tác giả đã đề xuất được một số biện pháp phù hợp giúp đơn vị hoàn thiện công tác kế toán nói chung cũng như công tác lập, phân tích BCĐKT nói riêng.

**3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp**

Được bảo vệ  Không được bảo vệ  Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 02 tháng 11 năm 2018.

**Giảng viên hướng dẫn**

**Th.S Hòa Thị Thanh Hương**

## LỜI MỞ ĐẦU

Bảng cân đối kế toán là một báo cáo tài chính tổng hợp được lập dưới hình thái tiền tệ, phản ánh toàn bộ tình hình tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp tại những thời điểm nhất định. Số liệu trên bảng cân đối kế toán cho biết toàn bộ giá trị tài sản hiện có của doanh nghiệp và nguồn vốn để hình thành các tài sản đó được sắp xếp một cách khoa học theo trật tự tính lỏng giảm dần. Căn cứ vào bảng cân đối kế toán có thể nhận xét, đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp. Bảng cân đối kế toán là một số liệu quan trọng để nghiên cứu, đánh giá một cách tổng quát tình hình và kết quả hoạt động kinh tế, trình độ sử dụng vốn và những triển vọng kinh tế tài chính của doanh nghiệp.

Như vậy, việc thiết lập và phân tích bảng cân đối kế toán hết sức cần thiết đối với nhà quản lý, điều hành doanh nghiệp cũng như các nhà đầu tư vào các tài sản tài chính. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này, trong quá trình thực tập tại Công ty CPTM Vận tải Hoàng Sơn em đã lựa chọn đề tài làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình là : “ Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty CPTM Vận tải Hoàng Sơn”

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận tốt nghiệp được chia thành 3 chương như sau:

**Chương 1:** Lý luận cơ bản về công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**Chương 2:** Thực trạng công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Hoàng Sơn.

**Chương 3:** Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Hoàng Sơn.

Bài khóa luận của em hoàn thành được là nhờ sự giúp đỡ và tạo điều kiện của Ban lãnh đạo cùng các cô, các chú, anh chị trong Công ty, đặc biệt là sự hướng dẫn, chỉ bảo tận tình, chu đáo của giảng viên Th.S Hòa Thị Thanh Hương. Tuy nhiên, do còn hạn chế nhất định về trình độ và thời gian nên bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

***Em xin chân thành cảm ơn!***

Sinh viên

Phan Thị Huyền Trang

## **CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

### **1.1: Một số vấn đề chung về hệ thống Báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa**

#### ***1.1.1: Báo cáo tài chính và sự cần thiết của Báo cáo tài chính trong công tác quản lý kinh tế***

##### ***1.1.1.1: Khái niệm Báo cáo tài chính***

Báo cáo tài chính (BCTC) là báo cáo tổng hợp nhất về tình hình tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp, là nguồn cung cấp thông tin về tình hình tài chính của doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu quản lý của chủ doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước và nhu cầu của những người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế của mình.

Hiện nay , hệ thống Báo cáo tài chính doanh nghiệp của Việt Nam theo quy định bao gồm 4 loại sau :

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

##### ***1.1.1.2: Sự cần thiết của Báo cáo tài chính trong công tác quản lý kinh tế***

Căn cứ vào các thông tin đáng tin cậy trên Báo cáo tài chính, các nhà quản trị có thể thấy được các điều kiện hiện tại, những dự đoán về tương lai và dựa trên những thông tin liên quan đến quá khứ và kết quả kinh doanh được cung cấp trên Báo cáo tài chính của doanh nghiệp các nhà quản trị có thể đưa ra được các quyết định kinh doanh chính xác cho tình hình tài chính của doanh nghiệp trong kỳ kinh doanh hiện tại cũng như các kỳ kinh doanh trong tương lai.

*Đối với bản thân doanh nghiệp*, nếu không thiết lập hệ thống Báo cáo tài chính thì khi phân tích tình hình tài chính kế toán hoặc tình hình sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp sẽ gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, các nhà đầu tư, chủ nợ, khách hàng... sẽ không có cơ sở để biết tình hình tài chính của doanh nghiệp cho nên họ sẽ khó có thể đưa ra các quyết định hợp tác kinh doanh và nếu có thì các quyết định sẽ có mức độ rủi ro cao và không chắc chắn về lợi nhuận mang lại cho việc đầu tư.



*Đối với nhà nước*, khi không có hệ thống Báo cáo tài chính nhà nước sẽ không thể quản lý được hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, các ngành, các thành phần kinh tế... hoặc công việc quản lý rất khó khăn, tốn kém và độ chính xác không cao do mỗi chu kỳ kinh doanh của mỗi doanh nghiệp bao gồm rất nhiều các nghiệp vụ kinh tế và có rất nhiều các hóa đơn, chứng từ. Chính vì vậy, dựa vào hệ thống Báo cáo tài chính nhà nước có thể quản lý và điều tiết vĩ mô nền kinh tế một cách dễ dàng và chính xác hơn nhất là khi nền kinh tế nước ta là nền kinh tế thị trường có sự quản lý vĩ mô của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Vì thế, hệ thống Báo cáo tài chính là rất cần thiết đối với mỗi nền kinh tế, đặc biệt là nền kinh tế thị trường hiện nay ở nước ta.

### ***1.1.2: Mục đích và vai trò của Báo cáo tài chính***

#### ***1.1.2.1: Mục đích của Báo cáo tài chính***

Báo cáo tài chính phản ánh theo một cấu trúc chặt chẽ tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của một doanh nghiệp. Mục đích của Báo cáo tài chính là cung cấp các thông tin chính xác đáng tin cậy về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh và các luồng tiền của một doanh nghiệp, cho các đối tượng quan tâm để đưa ra các quyết định đúng đắn. Cụ thể, mục đích của BCTC là :

- Tổng hợp và trình bày một cách tổng quát, toàn diện tình hình tài sản, nguồn vốn hình thành tài sản của doanh nghiệp, tình hình và kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong một năm tài chính.

- Cung cấp các thông tin kinh tế, tài chính chủ yếu cho việc đánh giá tình hình và kết quả hoạt động của doanh nghiệp, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp trong năm tài chính đã qua và những dự đoán trong tương lai. Thông tin của Báo cáo tài chính là căn cứ quan trọng cho việc đề ra những quyết định về quản lý, điều hành sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư vào các doanh nghiệp của các chủ doanh nghiệp, chủ sở hữu, các nhà đầu tư, các chủ nợ hiện tại và tương lai của doanh nghiệp, đồng thời cung cấp thông tin phục vụ yêu cầu quản lý vĩ mô của Nhà nước.

#### ***1.1.2.2: Vai trò của Báo cáo tài chính***

Báo cáo tài chính có ý nghĩa quan trọng trong lĩnh vực quản lý kinh tế, thu hút sự quan tâm của nhiều đối tượng ở bên trong cũng như bên ngoài doanh nghiệp. Do đó, phụ thuộc vào mục đích mà mỗi đối tượng lại có một sự quan

tâm khác nhau tới Báo cáo tài chính của doanh nghiệp, song nhìn chung đều nhằm có được những thông tin cần thiết cho việc ra các quyết định phù hợp với mục tiêu của mình.

- *Với nhà quản lý doanh nghiệp* : Báo cáo tài chính cung cấp thông tin tổng hợp về tình hình tài sản, nguồn hình thành tài sản cũng như tình hình và kết quả kinh doanh sau một kỳ hoạt động của doanh nghiệp từ đó các nhà quản lý sẽ phân tích đánh giá và đề ra được các giải pháp, quyết định quản lý kịp thời, phù hợp cho sự phát triển của doanh nghiệp trong tương lai.
- *Với các cơ quan hữu quan của nhà nước như tài chính, kiểm toán, thuế...*:
  - Báo cáo tài chính là tài liệu quan trọng trong việc kiểm tra giám sát, hướng dẫn, tư vấn cho doanh nghiệp thực hiện các chính sách, chế độ kinh tế tài chính của doanh nghiệp.
  - Là căn cứ, cơ sở để tính thuế và các khoản phải nộp nhà nước, nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Ngân sách của nhà nước.
- *Với các nhà đầu tư, các nhà cho vay* : Báo cáo tài chính giúp họ nhận biết khả năng về tài chính, tình hình sử dụng các loại tài sản, nguồn vốn, khả năng sinh lời, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, mức độ rủi ro... của doanh nghiệp để họ cân nhắc, lựa chọn và đưa ra quyết định phù hợp.
- *Với nhà cung cấp* : Báo cáo tài chính giúp họ nhận biết khả năng thanh toán, phương thức thanh toán, để từ đó họ quyết định bán hàng cho doanh nghiệp nữa hay thôi, hoặc cần áp dụng phương thức thanh toán như thế nào cho hợp lý.
- *Với khách hàng* : Báo cáo tài chính giúp cho họ có những thông tin về khả năng, năng lực sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, mức độ uy tín của doanh nghiệp, chính sách đãi ngộ khách hàng... để họ có quyết định đúng đắn trong việc mua hàng của doanh nghiệp.
- *Với người lao động* : Họ quan tâm đến thông tin về khả năng cũng như chính sách chi trả cổ tức, tiền lương, bảo hiểm xã hội, và các vấn đề khác liên quan đến lợi ích của họ thể hiện trên Báo cáo tài chính.

### **1.1.3: Đối tượng áp dụng Báo cáo tài chính trong doanh nghiệp.**

- “Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa” áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế trong cả nước, bao gồm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn, công ty Cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân và hợp tác xã.
- “Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa” không áp dụng cho Doanh nghiệp nhà nước, công ty TNHH Nhà nước 1 thành viên, công ty Cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán, hợp tác xã nông nghiệp và hợp tác xã tín dụng.
- Các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa thuộc lĩnh vực đặc thù như: Điện lực, dầu khí, bảo hiểm, chứng khoán... được áp dụng chế độ kế toán đặc thù do Bộ Tài chính ban hành hoặc chấp thuận cho ngành ban hành.
- Các doanh nghiệp nhỏ và vừa là công ty con thực hiện chế độ kế toán theo quy định của công ty mẹ.
- Doanh nghiệp nhỏ và vừa áp dụng chế độ kế toán này nếu có nhu cầu sửa đổi, bổ sung thì phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Bộ Tài chính trước khi thực hiện.

### **1.1.4: Yêu cầu lập và trình bày Báo cáo tài chính**

Tại chuẩn mực kế toán số 21 – “Trình bày Báo cáo tài chính”, việc lập và trình bày Báo cáo tài chính phải tuân thủ theo các yêu cầu quy định, bao gồm:

- Trình bày trung thực, tuân thủ tình hình tài chính, tình hình kết quả kinh doanh của doanh nghiệp
- Phản ánh đúng bản chất kinh tế của các giao dịch và các sự kiện không chỉ đơn thuần phản ánh hình thức hợp pháp của chúng
- Trình bày khách quan, không thiên vị
- Tuân thủ nguyên tắc thận trọng
- Trình bày đầy đủ trên mọi khía cạnh trọng yếu

Việc lập Báo cáo tài chính phải căn cứ vào số liệu sau khi khóa sổ kế toán. Báo cáo tài chính phải được lập đúng nội dung, phương pháp trình bày nhất quán giữa các chu kỳ kế toán. Báo cáo tài chính phải được người lập, kế

Hoàn thiện công tác lập và phân tochs bảng cân đối kế toán tại Công ty CPTM Vận tải Hoàng Sơn  
toán trưởng và người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán ký, đóng dấu của đơn vị.

### ***1.1.5: Nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính***

Theo chuẩn mực kế toán số 21 – “Trình bày Báo cáo tài chính”, việc lập và trình bày Báo cáo tài chính phải tuân thủ theo 6 nguyên tắc quy định, gồm :

#### ***(1). Hoạt động liên tục :***

Khi lập và phân tích Báo cáo tài chính, Giám đốc (hoặc người đứng đầu) doanh nghiệp cần phải đánh giá về khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Báo cáo tài chính cần được lập trên cơ sở giả định là doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động bình thường trong tương lai gần.

Để đánh giá khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp, Giám đốc (hoặc người đứng đầu) cần phải xem xét đến mọi thông tin có thể dự đoán được, tối thiểu trong vòng 12 tháng tới kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### ***(2). Cơ sở dồn tích :***

Doanh nghiệp phải lập Báo cáo tài chính theo cơ sở kế toán dồn tích, ngoại trừ các hoạt động liên quan đến các luồng tiền.

Theo cơ sở kế toán dồn tích, các giao dịch và sự kiện được ghi nhận vào thời điểm phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực thu, thực chi tiền và được ghi nhận vào các sổ kế toán và Báo cáo tài chính của các kỳ kế toán có liên quan. Các khoản chi phí được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và chi phí.

Tuy nhiên việc áp dụng các nguyên tắc phù hợp không cho phép ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán những khoản mục không thỏa mãn các định nghĩa về Tài sản hoặc Nợ phải trả.

#### ***(3). Nhất quán :***

Việc trình bày và phân loại các khoản mục trong Báo cáo tài chính phải nhất quán từ niên độ này sang niên độ khác.

Doanh nghiệp có thể trình bày Báo cáo tài chính theo một cách khác khi mua sắm hoặc thanh lý lớn các tài sản, hoặc khi xem xét lại cách trình bày Báo cáo tài chính. Việc thay đổi Báo cáo tài chính chỉ được thực hiện khi cấu trúc trình bày mới được duy trì lâu dài trong tương lai hoặc lợi ích của cách trình bày mới được duy trì rõ ràng. Khi có thay đổi thì doanh nghiệp phải phân loại lại các thông tin mang tính so sánh được cho phù hợp với các quy định trong chuẩn

Hoàn thiện công tác lập và phân tochs bảng cân đối kế toán tại Công ty CPTM Vận tải Hoàng Sơn  
mục kế toán và phải giải trình lý do, ảnh hưởng của phần thay đổi đó trong phần  
Thuyết minh Báo cáo tài chính.

*(4). Trọng yếu và tập hợp :*

Từng khoản mục trọng yếu phải được trình bày riêng biệt trong báo cáo tài chính. Các khoản mục không trọng yếu thì không phải trình bày riêng rẽ mà được tập hợp vào những khoản mục có cùng tính chất hoặc chức năng.

Tính trọng yếu phụ thuộc vào quy mô và tính chất các khoản mục được đánh giá trong các tình huống cụ thể.

*(5). Bù trừ :*

Các khoản mục Tài sản và Nợ phải trả trình bày trên Báo cáo tài chính không được bù trừ, trừ khi một chuẩn mực kế toán khác quy định hoặc cho phép bù trừ.

Các khoản mục doanh thu, thu nhập khác, chi phí chỉ được bù trừ khi :

+ Được quy định tại một chuẩn mực kế toán khác.

+ Các khoản lãi, lỗ và các chi phí liên quan phát sinh từ các giao dịch và các sự kiện giống nhau hoặc tương tự không có tính trọng yếu.

Các tài sản, nợ phải trả, các khoản thu nhập và chi phí có tính trọng yếu phải được báo cáo riêng biệt.

Việc bù trừ các số liệu trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hoặc Bảng cân đối kế toán, ngoại trừ việc bù trừ này phản ánh bản chất giao dịch hoặc sự kiện, sẽ không cho phép người sử dụng hiểu được các giao dịch hoặc sự kiện được thực hiện và dự tính được các luồng tiền trong tương lai của doanh nghiệp. Các khoản lãi, lỗ phát sinh từ một nhóm các giao dịch tương tự sẽ được hạch toán theo giá trị thuần. (Ví dụ: Các khoản lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá, lãi, lỗ phát sinh từ mua, bán cồng cụ tài chính vì mục đích thương mại).

*(6). Có thể so sánh được :*

Các thông tin, số liệu trong Báo cáo tài chính nhằm để so sánh giữa các kỳ kế toán phải được trình bày tương ứng với các thông tin bằng số liệu trong Báo cáo tài chính của kỳ trước.

Các thông tin so sánh cần bao gồm các thông tin diễn giải bằng lời nếu điều này là cần thiết giúp cho những người sử dụng hiểu rõ được Báo cáo tài chính của kỳ hiện tại.

### **1.1.6: Hệ thống Báo cáo tài chính theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC sửa đổi theo TT 138/2011/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính**

#### **1.1.6.1: Nội dung hệ thống Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm :

- |  |                  |
|--|------------------|
| ➤ Bảng cân đối tài khoản               | Mẫu số F01 - DNN |
| ➤ Bảng cân đối kế toán                 | Mẫu số B01 - DNN |
| ➤ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu số B02 - DNN |
| ➤ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ           | Mẫu số B03 - DNN |
| ➤ Bản thuyết minh Báo cáo tài chính    | Mẫu số B09 - DNN |

Ngoài ra, để phục vụ yêu cầu quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, các doanh nghiệp có thể lập thêm các BCTC chi tiết khác.

Nội dung, phương pháp tính toán, cách trình bày các chỉ tiêu trong từng báo cáo quy định trong chế độ này được áp dụng thống nhất cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc đối tượng áp dụng hệ thống BCTC này.

Trong quá trình áp dụng, nếu thấy cần thiết, các doanh nghiệp có thể bổ sung các chỉ tiêu cho phù hợp với từng lĩnh vực hoạt động và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Trường hợp có sửa đổi thì phải được Bộ Tài chính chấp nhận bằng văn bản trước khi thực hiện.

#### **1.1.6.2: Trách nhiệm, thời hạn lập và gửi Báo cáo tài chính**

- Tất cả các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc đối tượng áp dụng hệ thống Báo cáo tài chính này phải lập và gửi Báo cáo tài chính năm theo đúng quy định của chế độ kế toán theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC.

- Đối với các công ty Trách nhiệm hữu hạn, công ty Cổ phần và các hợp tác xã thời hạn gửi Báo cáo tài chính năm chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

- Đối với doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh, thời hạn gửi Báo cáo tài chính năm chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Ngoài ra, các doanh nghiệp có thể lập BCTC hàng tháng, quý để phục vụ yêu cầu quản lý và điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

#### **1.1.6.3: Kỳ lập Báo cáo tài chính**

Doanh nghiệp nhỏ và vừa phải lập và nộp Báo cáo tài chính cho các cơ quan Nhà nước theo kỳ kế toán năm. Kỳ kế toán năm là 12 tháng, tính từ đầu

Hoàn thiện công tác lập và phân tochs bảng cân đối kế toán tại Công ty CPTM Vận tải Hoàng Sơn ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 năm dương lịch. Đơn vị kế toán có đặc thù riêng về tổ chức, hoạt động được chọn kỳ kế toán năm là 12 tháng tròn, bắt đầu từ đầu ngày 01 tháng đầu quý này đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý trước năm sau và thông báo cho cơ quan Thuế biết.

#### 1.1.6.4: Công khai Báo cáo tài chính

✚ Nội dung công khai Báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa gồm:

- Tình hình tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu
- Trích lập và sử dụng các quỹ
- Kết quả hoạt động kinh doanh
- Thu nhập của người lao động

✚ Hình thức và thời hạn công khai Báo cáo tài chính :

Việc công khai Báo cáo tài chính được thực hiện theo các hình thức :

- Phát hành ấn phẩm
- Thông báo bằng văn bản
- Niêm yết
- Các hình thức khác theo quy định của pháp luật

Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh phải công khai Báo cáo tài chính năm trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm; đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa khác thời hạn công khai báo cáo tài chính chậm nhất là 120 ngày.

#### 1.1.6.5: Nơi nhận Báo cáo tài chính năm.

Nơi nhận Báo cáo tài chính của các doanh nghiệp nhỏ và vừa như sau:

Loại hình doanh nghiệp	Nơi nhận Báo cáo tài chính		
	Cơ quan thuế	Cơ quan đăng ký kinh doanh	Cơ quan thống kê
Công ty TNHH, Công ty Cổ phần, Công ty hợp danh, Doanh nghiệp tư nhân	✓	✓	✓
Hợp tác xã	✓	✓	

## **1.2: Bảng cân đối kế toán (Mẫu B01-DNN) và phương pháp lập Bảng cân đối kế toán trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa.**

### **1.2.1: Bảng cân đối kế toán (Mẫu B01-DNN) và kết cấu của Bảng cân đối kế toán theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 138/2009/TT-BTC**

#### **1.2.1.1: Khái niệm Bảng cân đối kế toán**

Bảng cân đối kế toán (BCĐKT) là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tổng quát toàn bộ giá trị tài sản hiện có và nguồn hình thành tài sản đó của doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định.

Số liệu trên Bảng cân đối kế toán cho biết toàn bộ giá trị tài sản hiện có của doanh nghiệp theo cơ cấu tài sản, nguồn vốn hình thành các tài sản đó. Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán có thể nhận xét, đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp.

#### **1.2.1.2: Tác dụng của Bảng cân đối kế toán**

- Cung cấp số liệu cho việc phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp.

- Thông qua số liệu trên Bảng cân đối kế toán cho biết tình hình tài sản, nguồn hình thành tài sản của doanh nghiệp đến thời điểm lập báo cáo.

- Căn cứ báo Bảng cân đối kế toán có thể nhận xét, đánh giá khái quát chung tình hình tài chính của doanh nghiệp, cho phép đánh giá một số chỉ tiêu kinh tế, tài chính Nhà nước của doanh nghiệp.

- Thông qua số liệu trên Bảng cân đối kế toán có thể kiểm tra việc chấp hành các chế độ kinh tế, tài chính của doanh nghiệp.

#### **1.2.1.3: Nguyên tắc lập và trình bày Bảng cân đối kế toán**

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 21 - “ Trình bày báo cáo tài chính” khi lập và trình bày Bảng cân đối kế toán phải tuân thủ các nguyên tắc chung về lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, trên Bảng cân đối kế toán, các khoản mục Tài sản và Nợ phải trả phải được trình bày riêng biệt thành ngắn hạn và dài hạn, tùy theo thời hạn của chu kỳ kinh doanh bình thường của doanh nghiệp, cụ thể như sau :

- ✚ Đối với doanh nghiệp có chu kỳ kinh doanh bình thường trong vòng 12 tháng, Tài sản và Nợ phải trả được phân thành ngắn hạn và dài hạn theo điều kiện sau :



- Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán trong vòng 12 tháng tới kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được xếp vào loại ngắn hạn.

- Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán từ 12 tháng tới trở lên kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được xếp vào loại dài hạn.

✚ *Đối với doanh nghiệp có chu kỳ kinh doanh bình thường dài hơn 12 tháng, Tài sản và Nợ phải trả được phân thành ngắn hạn và dài hạn theo điều kiện sau :*

- Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán trong vòng một chu kỳ kinh doanh bình thường, được xếp vào loại ngắn hạn.

- Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán trong thời gian dài hơn một chu kỳ kinh doanh bình thường, được xếp vào loại dài hạn.

✚ *Đối với các doanh nghiệp do tính chất hoạt động không thể dựa vào chu kỳ kinh doanh để phân biệt giữa ngắn hạn và dài hạn, các Tài sản và Nợ phải trả được trình bày theo tính thanh khoản giảm dần.*

#### *1.2.1.4: Kết cấu và nội dung của Bảng cân đối kế toán mẫu B01-DNN sửa đổi theo TT 138/2009/TT-BTC*

Theo quyết định 48/2006QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì Bảng cân đối kế toán có kết cấu như sau:

Kết cấu Bảng cân đối kế toán gồm 2 phần: Phần Tài sản, Phần Nguồn vốn có thể kết cấu theo kiểu 1 bên (kiểu dọc) hoặc kiểu 2 bên (kiểu ngang). Ở mỗi phần trên Bảng cân đối kế toán đều có 5 cột theo trình tự: “Tài sản/ Nguồn vốn”, “Mã số”, “Thuyết minh”, “Số cuối năm”, “Số đầu năm”.

BCĐKT được chia làm 2 phần là phần “Tài sản” và phần “Nguồn vốn”.

✚ *Phần “Tài sản”:*

- Các chỉ tiêu phản ánh trong phần “Tài sản” được sắp xếp theo nội dung kinh tế của các loại tài sản của doanh nghiệp, được trình bày theo trình tự tính thanh khoản của tài sản giảm dần.

- Phần này phản ánh toàn bộ giá trị tài sản hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo thuộc quyền quản lý và sử dụng của doanh nghiệp.

Căn cứ vào số liệu này có thể đánh giá một cách tổng quát quy mô tài sản và kết cấu các loại nguồn vốn của doanh nghiệp hiện có đang tồn tại dưới hình thức vật chất.

Xét về mặt pháp lý, số lượng của các chỉ tiêu bên phần “Tài sản” thể hiện số vốn đang thuộc quyền quản lý và sử dụng của doanh nghiệp.

 Phần “Nguồn vốn”:

- Các chỉ tiêu trong phần “Nguồn vốn” được sắp xếp theo từng nguồn hình thành tài sản của doanh nghiệp, được trình bày theo trình tự tính cấp thiết phải thanh toán giảm dần.

- Phần này cho ta thấy thực trạng tài chính của doanh nghiệp.

Về mặt pháp lý, thể hiện trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp với chủ sở hữu về số vốn được đầu tư, đối với ngân hàng và các bên cho vay vốn, góp vốn, với khách hàng, với ngân hàng và các đối tượng khác về khoản phải trả.

Trong Bảng cân đối kế toán, mỗi doanh nghiệp phải trình bày riêng biệt các loại tài sản, nợ phải trả thành ngắn hạn và dài hạn. Trường hợp do tính chất hoạt động của doanh nghiệp không thể phân biệt được giữa ngắn hạn và dài hạn thì các tài sản và nợ phải trả phải được trình bày thứ tự theo tính thanh khoản giảm dần, nhằm cung cấp những thông tin hữu ích để phân biệt giữa các tài sản luân chuyển liên tục như vốn lưu động với các tài sản thuần được sử dụng cho hoạt động dài hạn của doanh nghiệp. Việc phân biệt này cũng làm rõ tài sản sẽ được thu hồi trong kỳ hoạt động hiện tại và nợ phải trả đến hạn thanh toán trong kỳ hoạt động này.

Nội dung của Bảng cân đối kế toán được thể hiện thông qua hệ thống chỉ tiêu phản ánh tình hình tài sản và nguồn hình thành tài sản. Các chỉ tiêu được phân loại và sắp xếp thành từng loại, mục cụ thể và được mã hóa để thuận tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

Ngày 04/10/2011, Bộ Tài chính ban hành thông tư 138/2011/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa theo **quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính**.

**Bảng cân đối kế toán được bổ sung, sửa đổi như sau:**

- Bổ sung chỉ tiêu “*Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ*” – Mã số 157 trên BCĐKT. Chỉ tiêu này phản ánh giá trị trái phiếu Chính phủ của bên mua khi chưa kết thúc thời hạn hợp đồng mua bán lại tại thời điểm báo cáo.

- Bổ sung chỉ tiêu “*Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ*” – Mã số 327 trên BCĐKT. Chỉ tiêu này phản ánh giá trị trái phiếu Chính phủ của bên bán khi chưa kết thúc thời hạn hợp đồng mua bán lại tại thời điểm báo cáo.

- Bổ sung chỉ tiêu “*Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn*” – Mã số 328 trên Bảng cân đối kế toán. Chỉ tiêu này phản ánh các khoản doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn tại thời điểm báo cáo.

- Bổ sung chỉ tiêu “*Doanh thu chưa thực hiện dài hạn*” – Mã số 334 trên Bảng cân đối kế toán. Chỉ tiêu này phản ánh các khoản doanh thu chưa thực hiện dài hạn tại thời điểm báo cáo.

- Bổ sung chỉ tiêu “*Quỹ phát triển khoa học và công nghệ*” – Mã số 336 trên Bảng cân đối kế toán. Chỉ tiêu này phản ánh Quỹ phát triển khoa học và công nghệ chưa sử dụng tại thời điểm báo cáo.

- Sửa đổi chỉ tiêu “*Người mua trả tiền trước*” – Mã số 313 trên Bảng cân đối kế toán. Chỉ tiêu người mua trả tiền trước phản ánh tổng số tiền người mua ứng trước để mua tài sản, hàng hoá, bất động sản đầu tư, dịch vụ tại thời điểm báo cáo. Chỉ tiêu này không phản ánh các khoản doanh thu chưa thực hiện (gồm cả doanh thu nhận trước).

- Đổi mã số chỉ tiêu “*Nợ dài hạn*” – Mã số 320 thành mã số 330.

- Đổi mã số chỉ tiêu “*Vay và nợ dài hạn*” – Mã số 321 thành mã số 331.

- Đổi mã số chỉ tiêu “*Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm*” – Mã số 322 thành mã số 332.

- Đổi mã số chỉ tiêu “*Phải trả, phải nộp dài hạn khác*” – Mã số 328 thành mã số 338.

- Đổi mã số chỉ tiêu “*Dự phòng phải trả dài hạn*” – Mã số 329 thành mã số 339 trên Bảng cân đối kế toán.

- Đổi mã số chỉ tiêu “*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*” – Mã số 430 thành 323.

- Đổi mã số chỉ tiêu “*Dự phòng phải trả ngắn hạn*” – Mã số 319 trên Bảng cân đối kế toán thành mã số 329.

Do vậy kết cấu Bảng cân đối kế toán theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC sửa đổi bổ sung theo Thông tư 138/2009/TT – BTC ngày 04/10/2009 như sau (Biểu số 1.1) :

**Biểu 1.1: Kết cấu Bảng cân đối kế toán theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 138/2009/TT-BTC**

Đơn vị:.....

**Mẫu số B01 – DNN**

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 138/2011/TT-BTC

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị tính:.....

Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>			
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>III.01</b>		
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>III.05</b>		
1. Đầu tư tài chính ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn (*)	129		(...)	(...)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>			
1. Phải thu của khách hàng	131			
2. Trả trước cho người bán	132			
3. Các khoản phải thu khác	138			
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(...)	(...)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>			
1. Hàng tồn kho	141	<b>III.02</b>		
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(...)	(...)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>			
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	151			
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	152			
3. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	157			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158			
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240)	<b>200</b>			
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>210</b>	<b>III.03.04</b>		
1. Nguyên giá	211			
2. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	212		(...)	(...)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	213			
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>220</b>			

1. Nguyên giá	221			
2. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	222		(...)	(...)
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>230</b>	<b>III.05</b>		
1. Đầu tư tài chính dài hạn	231			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	239		(...)	(...)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>240</b>			
1. Phải thu dài hạn	241			
2. Tài sản dài hạn khác	248			
3. Dự phòng phải thu dài hạn (*)	249		(...)	(...)
<b>TỔNG TÀI SẢN (250 = 100 + 200)</b>	<b>250</b>			
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>			
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>			
1. Vay ngắn hạn	311			
2. Phải trả cho người bán	312			
3. Người mua trả tiền trước	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	<b>III.16</b>		
5. Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316			
7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	318			
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323			
9. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	327			
10. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328			
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			
1. Vay và nợ dài hạn	331			
2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	332			
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	334			
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	336			
5. Phải trả, phải nộp dài hạn khác	338			
6. Dự phòng phải trả dài hạn	339			
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>			
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>III.07</b>		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(...)	(...)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415			
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416			

7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417			
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>			

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾTOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		
4. Nợ khó đòi đã xử lý		
5. Ngoại tệ các loại		

Lập, ngày.....tháng.....năm...

<b>Người lập biểu</b> (Ký, Ghi rõ họ tên)	<b>Kế toán trưởng</b> (Ký, Ghi rõ họ tên)	<b>Giám đốc</b> (Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)
--	--	--

#### Ghi chú:

- (1) Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (\*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).
- (2) Các chỉ tiêu không có số liệu thì không phải báo cáo nhưng không được đánh lại "Mã số".
- (3) Doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì "Số cuối năm" có thể ghi là "31.12.X" ; "Số đầu năm" có thể ghi là "01.01.X".

#### 1.2.1.5: Cơ sở số liệu, quy trình lập Bảng cân đối kế toán theo mẫu số B01-DNN

✚ Cơ sở số liệu để lập Bảng cân đối kế toán theo mẫu số B01-DNN :

- Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán năm trước
- Căn cứ vào sổ cái các tài khoản
- Căn cứ vào Bảng tổng hợp chi tiết
- Căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh tài khoản

✚ Quy trình lập Bảng cân đối kế toán theo mẫu số B01-DNN :

Quy trình lập Bảng cân đối kế toán gồm 06 bước cơ bản :

*Bước 1:* Kiểm tra tính có thật của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ

*Bước 2:* Tạm khóa sổ kế toán và tiến hành đối chiếu các số liệu từ các sổ kế toán liên quan

*Bước 3:* Thực hiện các bút toán kết chuyển trung gian và khóa sổ kế toán chính thức

*Bước 4: Lập Bảng cân đối số phát sinh*

*Bước 5: Lập Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01-DNN)*

*Bước 6: Kiểm tra, ký duyệt*

#### *1.2.1.6: Phương pháp lập Bảng cân đối kế toán theo mẫu số B01-DNN*

- Thông tin ở cột A là các chỉ tiêu báo cáo

- Thông tin ghi ở cột B “Mã số” tương ứng với các chỉ tiêu báo cáo

- Số hiệu ghi ở cột C “Thuyết minh” của báo cáo này là số hiệu các chỉ tiêu trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm thể hiện số liệu chi tiết hoặc các thuyết minh bổ sung của các chỉ tiêu này trong Bảng cân đối kế toán.

- Số liệu ghi vào cột 2 “Số đầu năm” của báo cáo này năm nay được căn cứ vào số liệu ghi ở cột 1 “Số cuối năm” của từng chỉ tiêu tương ứng của báo cáo này năm trước hoặc theo số đã điều chỉnh các năm trước ảnh hưởng đến các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp phát hiện sai sót trọng yếu cần phải điều chỉnh theo phương pháp hồi tố.

- Số liệu ghi vào cột 1 “Số cuối năm” của báo cáo này căn cứ vào số cuối kỳ của sổ cái các tài khoản và bảng tổng hợp chi tiết phù hợp với từng chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán :

+ Số dư Nợ của các tài khoản loại 1, 2 ghi vào chỉ tiêu tương ứng của phần “Tài sản”.

+ Số dư Có của các tài khoản loại 3, 4 ghi vào các chỉ tiêu tương ứng của phần “Nguồn vốn”.

#### **(\* Một số tài khoản đặc biệt cần lưu ý :**

- Các TK dự phòng (TK 159, TK 229) và TK “Hao mòn tài sản cố định” (TK 214) mặc dù có số dư bên Có nhưng vẫn được ghi bên phần “Tài sản” bằng cách ghi âm trong ngoặc đơn (...).

- Các TK “Chênh lệch đánh giá lại tài sản” – TK 412, “Chênh lệch tỷ giá” – TK 413, “Lợi nhuận chưa phân phối” – TK 421 có thể có số dư bên Nợ hoặc bên Có nhưng vẫn được ghi bên “Nguồn vốn”. Nếu dư Có – ghi bình thường, dư Nợ – ghi âm.

- Các TK lưỡng tính, phải mở sổ chi tiết, cuối kỳ lập Bảng tổng hợp sau đó căn cứ vào số liệu trên Bảng tổng hợp để ghi vào Bảng cân đối kế toán.

Ví dụ :

- Xét Bảng tổng hợp chi tiết TK 131 – “*Phải thu khách hàng*”.
  - Dư Nợ: ghi vào bên “*Tài sản*” – chỉ tiêu: “*Phải thu khách hàng*”
  - Dư Có: ghi vào bên “*Nguồn vốn*” – chỉ tiêu: “*Người mua trả trước*”
- Xét Bảng tổng hợp chi tiết TK 331 – “*Phải trả người bán*”.
  - Dư Nợ: ghi vào bên “*Tài sản*” – chỉ tiêu: “*Trả trước cho người bán*”
  - Dư Có: ghi vào bên “*Nguồn vốn*” – chỉ tiêu: “*Phải trả người bán*”.

**Cụ thể cách lập từng chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán như sau :**

## **PHẦN TÀI SẢN**

### **A. TÀI SẢN NGẮN HẠN - Mã số 100**

$$Mã số 100 = Mã số 110 + Mã số 120 + Mã số 130 + Mã số 140 + Mã số 150$$

#### **I. Tiền và các khoản tương đương tiền – Mã số 110**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ của các Tài khoản 111 – “*Tiền mặt*”, TK 112 – “*Tiền gửi Ngân hàng*”; TK 113 – “*Tiền đang chuyển*” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái và khoản tương đương tiền phản ánh ở chỉ tiêu này là các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng.

#### **II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn – Mã số 120**

$$Mã số 120 = Mã số 121 + Mã số 129$$

##### **1. Đầu tư tài chính ngắn hạn - Mã số 121**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng dư Nợ của Tài khoản 121 – “*Đầu tư chứng khoán ngắn hạn*” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái sau khi trừ đi các khoản đầu tư ngắn hạn đã được tính vào chỉ tiêu “*Các khoản tương đương tiền*”.

##### **2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn - Mã số 129**

Số liệu chỉ tiêu này được là số dư Có của Tài khoản 1591 – “*Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn*” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.

#### **III. Các khoản phải thu ngắn hạn – Mã số 130**

$$Mã số 130 = Mã số 131 + Mã số 132 + Mã số 138 + Mã số 139$$

##### **1. Phải thu của khách hàng - Mã số 131**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Nợ trên Bảng tổng hợp chi tiết TK 131 – “*Phải thu khách hàng*” chi tiết phải thu ngắn hạn.



## **2. Trả trước cho người bán - Mã số 132**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Nợ chi tiết trên Bảng tổng hợp chi tiết TK 331 – “*Phải trả người bán*” mở theo từng người bán trên Bảng tổng hợp chi tiết TK 331.

## **3. Các khoản phải thu khác - Mã số 138**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ ngắn hạn trên Bảng tổng hợp chi tiết của các Tài khoản: TK 1388 – “*Phải thu khác*”; TK 334 – “*Phải trả người lao động*”; TK 338 – “*Phải trả phải nộp khác*” (Không bao gồm các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn).

## **4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi - Mã số 139**

Số liệu chỉ tiêu này là số dư Có chi tiết của Tài khoản 1592 – “*Dự phòng phải thu khó đòi*” trên sổ kế toán chi tiết của các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.

## **IV. Hàng tồn kho - Mã số 140**

$$Mã số 140 = Mã số 141 + Mã số 149$$

### **1. Hàng tồn kho - Mã số 141**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này Tổng số dư Nợ của các Tài khoản sau: TK 152 – “*Nguyên vật liệu*”; TK 153 – “*Công cụ dụng cụ*”; TK 154 – “*Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang*”; TK 155 – “*Thành phẩm*”; TK 156 – “*Hàng hóa*”; TK 157 – “*Hàng gửi bán*” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái.

### **2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho - Mã số 149**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của Tài khoản 1593 – “*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*” trên sổ chi tiết TK 159, chi tiết các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho (TK 1593) và được ghi âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.

## **V. Tài sản ngắn hạn khác - Mã số 150**

$$Mã số 150 = Mã số 151 + Mã số 152 + Mã số 157 + Mã số 158$$

### **1. Thuế GTGT được khấu trừ - Mã số 151**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ của tài khoản 133 – “*Thuế GTGT được khấu trừ*” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái.

### **2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước - Mã số 152**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ chi tiết Tk 333 – “Thuế và các khoản phải nộp nhà nước” trên Bảng tổng hợp chi tiết TK 333.

### **3. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu chính phủ - Mã số 157**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ của Tài khoản 171 – “Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ” trên sổ kế toán chi tiết TK 171.

### **4. Tài sản ngắn hạn khác - Mã số 158**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ trên Bảng tổng hợp chi tiết các TK sau: TK 1381 – “Tài sản thiếu chờ xử lý”; TK 141 – “Tạm ứng”; TK 142– “Chi phí trả trước ngắn hạn”; TK1388 – “Phải thu khác” (Chi tiết cầm cố, kỹ quỹ, ký cược ngắn hạn).

### **B. Tài sản dài hạn - Mã số 200**

$$\text{Mã số 200} = \text{Mã số 210} + \text{Mã số 220} + \text{Mã số 230} + \text{Mã số 240}$$

#### **I. Tài sản cố định - Mã số 210**

$$\text{Mã số 210} = \text{Mã số 211} + \text{Mã số 212} + \text{Mã số 213}$$

##### **1. Nguyên giá - Mã số 211**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của Tài khoản 211 – “Tài sản cố định” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái.

##### **2. Giá trị hao mòn lũy kế - Mã số 212**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có trên sổ chi tiết TK 214 – “Hao mòn TSCĐ”, cụ thể: TK 2141 – “Hao mòn TSCĐ hữu hình”; TK 2142 – “Hao mòn TSCĐ thuê tài chính”; TK 2143 – “Hao mòn TSCĐ vô hình” và số liệu ghi vào chỉ tiêu này được ghi âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.

##### **3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang - Mã số 213**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của Tài khoản 241 – “Xây dựng cơ bản dở dang” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái.

### **II. Bất động sản đầu tư – Mã số 220**

$$\text{Mã số 220} = \text{Mã số 221} + \text{Mã số 222}$$

#### **1. Nguyên giá - Mã số 221**

Số liệu để phản ánh vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của Tài khoản 217 – “Bất động sản đầu tư” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái.

#### **2. Giá trị hao mòn lũy kế - Mã số 222**

Số liệu để phản ánh vào chỉ tiêu là số dư Có của Tài khoản 2147 – “*Hao mòn bất động sản đầu tư*” trên sổ kế toán chi tiết TK 2147 và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.

### **III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn – Mã số 230**

$$Mã số 230 = Mã số 231 + Mã số 239$$

#### **1. Đầu tư tài chính dài hạn - Mã số 231**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu là số dư Nợ của Tài khoản 221 – “*Đầu tư tài chính dài hạn*” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái.

#### **2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn - Mã số 239**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của Tài khoản 229 – “*Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn*” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.

### **IV. Tài sản dài hạn khác – Mã số 240**

$$Mã số 240 = Mã số 241 + Mã số 248 + Mã số 249$$

#### **1. Phải thu dài hạn - Mã số 241**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ, chi tiết phải thu dài hạn trên Bảng tổng hợp chi tiết của các tài khoản sau: TK 131 – “*Phải thu khách hàng*”; TK 331 – “*Phải trả người bán*”; TK 1388 – “*Phải thu khác*”; TK 338 – “*Phải trả khác*”.

#### **2. Tài sản dài hạn khác - Mã số 248**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Nợ tài khoản: TK 242 – “*Chi phí trả trước dài hạn*”; TK 244 – “*Ký quỹ, ký cược dài hạn*” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái.

#### **3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi - Mã số 249**

Số liệu để phản ánh vào chỉ tiêu là số dư Có chi tiết các khoản dự phòng phải thu dài hạn của TK 1592 - “*Dự phòng phải thu khó đòi*” trên sổ kế toán chi tiết TK 1592 và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.

### **TỔNG TÀI SẢN – Mã số 250**

$$Mã số 250 = Mã số 100 + Mã số 200$$

## **PHÂN NGUỒN VỐN**

### **A. NỢ PHẢI TRẢ - Mã số 300**

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số nợ phải trả tại thời điểm báo cáo gồm: Nợ ngắn hạn và Nợ dài hạn

$$\text{Mã số 300} = \text{Mã số 310} + \text{Mã số 330}$$

### **I. Nợ ngắn hạn - Mã số 310**

$$\text{Mã số 310} = \text{Mã số 311} + \text{Mã số 312} + \text{Mã số 313} + \text{Mã số 314} + \text{Mã số 315} + \text{Mã số 316} + \text{Mã số 318} + \text{Mã số 323} + \text{Mã số 327} + \text{Mã số 328} + \text{Mã số 329}$$

#### **1. Vay ngắn hạn - Mã số 311**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 311 – “*Vay ngắn hạn*” và TK 315 – “*Nợ dài hạn đến hạn trả*”, trên Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái.

#### **2. Phải trả cho người bán - Mã số 312**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Có chi tiết trên Bảng tổng hợp chi tiết TK 331 – “*Phải trả cho người bán*” được phân loại là ngắn hạn mở theo từng người bán trên Bảng tổng hợp chi tiết TK 331.

#### **3. Người mua trả tiền trước - Mã số 313**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có chi tiết trên Bảng tổng hợp chi tiết TK 131 – “*Phải thu của khách hàng*” được phân loại là ngắn hạn mở cho từng khách hàng trên Bảng tổng hợp chi tiết TK 131.

#### **4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước - Mã số 314**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có chi tiết của TK 333 - “*Thuế và các khoản phải nộp nhà nước*” trên Bảng tổng hợp chi tiết TK 333.

#### **5. Phải trả người lao động - Mã số 315**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có chi tiết của TK 334 – “*Phải trả người lao động*”, phần phải trả ngắn hạn trên Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái.

#### **6. Chi phí phải trả - Mã số 316**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của tài khoản 335 – “*Chi phí phải trả*”, phần phải trả ngắn hạn trên Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái.

#### **7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác - Mã số 318**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của các TK 338 – “*Phải trả, phải nộp khác*”, TK 138 – “*Phải thu khác*”, phần phải trả ngắn hạn trên Bảng tổng hợp chi tiết của các TK 338, 138 (phần dư Có TK 3387 đã phản ánh vào chỉ tiêu 138).

#### **8. Quỹ khen thưởng phúc lợi – Mã số 323**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 353 – “*Quỹ khen thưởng phúc lợi*” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký – Sổ Cái.

### **9. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ - Mã số 327**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Có TK 171 – “*Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ*” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký – Sổ Cái.

### **10. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn – Mã số 328**

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Có của TK 3387 “*Doanh thu chưa thực hiện*” trên Sổ kế toán chi tiết TK 3387 (số doanh thu chưa thực hiện có thời hạn chuyển thành doanh thu thực hiện trong thời hạn 12 tháng tới).

### **11. Dự phòng phải trả ngắn hạn – Mã số 329**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Có trên sổ kế toán chi tiết tài khoản 352–“*Dự phòng phải trả*”(chi tiết dự phòng cho các tài khoản phải trả ngắn hạn).

## **II. Nợ dài hạn - Mã số 330**

$Mã số 330 = Mã số 331 + Mã số 332 + Mã số 334 + Mã số 336 + Mã số 338 + Mã số 339$

### **1.Vay và nợ dài hạn - Mã số 331**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Có trên Sổ kế toán chi tiết TK 341 các tài khoản: TK 3411– “*Vay dài hạn*” và TK 3412 – “*Nợ dài hạn*” và kết quả tìm được của số dư Có TK 34131 – “*Mệnh giá trái phiếu*” trừ (–) số dư Nợ TK 34132 – “*Chiết khấu trái phiếu*” cộng (+) số dư Có TK 34133 – “*Phụ trội trái phiếu*”.

### **2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm - Mã số 332**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 351 – “*Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm*” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký – Sổ Cái.

### **3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn - Mã số 334**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Có của TK 3387 – “*Doanh thu chưa thực hiện*” (số doanh thu chưa thực hiện có thời hạn chuyển thành doanh thu thực hiện trên 12 tháng hoặc bằng tổng số dư Có TK 3387 trừ (–) số doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn phản ánh trên chỉ tiêu 328).

### **4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ - Mã số 336**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có chi tiết của tài khoản 356 – “*Quỹ phát triển khoa học và công nghệ*” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký – Sổ Cái.

### **5. Phải trả, phải nộp dài hạn khác – Mã số 338**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có chi tiết trên Bảng tổng hợp chi tiết của các Tài khoản sau: TK 331 – “*Phải trả người bán*”; TK 338 – “*Phải trả, phải nộp khác*”; TK 138 – “*Phải thu khác*”; TK 131 – “*Phải thu khách hàng*” được phân loại là dài hạn trên Bảng tổng hợp chi tiết các TK 131, 138, 331, 338 và số dư Có TK 3414 – “*Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn*” trên sổ chi tiết TK 341 – “*Vay, nợ dài hạn*”.

### **6. Dự phòng phải trả dài hạn – Mã số 339**

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Có trên sổ kế toán chi tiết TK 352–“*Dự phòng phải trả*” (chi tiết dự phòng cho các tài khoản phải trả dài hạn).

## **B. VỐN CHỦ SỞ HỮU - Mã số 400**

$$\text{Mã số 400} = \text{Mã số 410}$$

### **I. Vốn chủ sở hữu - Mã số 410**

$$\text{Mã số 410} = \text{Mã số 411} + \text{Mã số 412} + \text{Mã số 413} + \text{Mã số 414} + \text{Mã số 415} + \text{Mã số 416} + \text{Mã số 417}$$

#### **1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu - Mã số 411**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của Tài khoản 4111 – “*Vốn đầu tư của chủ sở hữu*” trên sổ kế toán chi tiết TK 4111.

#### **2. Thặng dư vốn cổ phần - Mã số 412**

Chỉ tiêu này phản ánh thặng dư vốn cổ phần ở thời điểm báo cáo của công ty cổ phần. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của Tài khoản 4112 – “*Thặng dư vốn cổ phần*” trên sổ kế toán chi tiết TK 4112. Nếu TK này có số dư Nợ thì được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.

#### **3. Vốn khác của chủ sở hữu - Mã số 413**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư có Tài khoản 4118 – “*Vốn khác*” trên Sổ kế toán chi tiết TK 4118.

#### **4. Cổ phiếu quỹ - Mã số 414**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của Tài khoản 419 – “*Cổ phiếu quỹ*” trên sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái. Nếu TK này có số dư Nợ thì được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.

## 5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái - Mã số 415

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của Tài khoản 413 – “*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái. Trường hợp TK 413 có số dư Nợ thì được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.

## 6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu - Mã số 416

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư có của Tài khoản 418 – “*Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu*” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái.

## 7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối - Mã số 417

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của Tài khoản 421 – “*Lợi nhuận chưa phân phối*” trên Sổ cái hoặc Nhật ký – Sổ cái . Trường hợp TK 421 có số dư. Nợ thì số liệu chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.

## TỔNG NGUỒN VỐN - MÃ SỐ 440

$$\text{Mã số 440} = \text{Mã số 300} + \text{Mã số 400}$$

### Các chỉ tiêu ngoài Bảng cân đối kế toán :

1. *Tài sản thuê ngoài* : Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ của TK 001
2. *Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công*: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ của TK 002.
3. *Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi*: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ của TK 003.
4. *Nợ khó đòi đã xử lý*: Số liệu ghi vào chỉ tiêu là tổng số dư Nợ của TK004.
5. *Ngoại tệ các loại*: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ của TK 007.

### Chú ý:

- Kiểm tra tính cân bằng trong Bảng cân đối kế toán:

$$\text{Tổng Tài sản} = \text{Tổng Nguồn vốn}$$

- Kiểm tra mối quan hệ giữa các chỉ tiêu trên BCDKT với các BCTC khác.

- Trình lên kế toán trưởng kiểm tra ký duyệt, cuối cùng trình lên giám đốc ký.

### 1.3. Phân tích Bảng cân đối kế toán

#### 1.3.1: Sự cần thiết phân tích Bảng cân đối kế toán

Bảng cân đối kế toán là tài liệu quan trọng đối với việc nghiên cứu, đánh giá khái quát tình hình tài chính, quy mô cũng như trình độ quản lý và sử dụng vốn. Đồng thời cũng cho thấy được triển vọng kinh tế, tài chính của doanh nghiệp trong việc định hướng các quyết định kinh tế trong tương lai của người sử dụng thông tin.

Phân tích Bảng cân đối kế toán nhằm nắm bắt được các mối quan hệ giữa các chỉ tiêu, nắm rõ cơ cấu tài sản và nguồn hình thành tài sản, giúp nhà quản trị tìm ra điểm mạnh, điểm yếu trong công tác tài chính, từ đó có hướng phát triển tích cực trong tương lai.

Mặt khác, phân tích Bảng cân đối kế toán giúp các nhà đầu tư, chủ nợ nắm bắt được tình hình tài chính của doanh nghiệp, từ đó đưa ra các quyết định đầu tư, tín dụng khác.

### ***1.3.2: Phương pháp phân tích Bảng cân đối kế toán***

Có nhiều phương pháp khác nhau được sử dụng trong phân tích BCĐKT :

(1): *Phương pháp so sánh :*

Đây là phương pháp được sử dụng phổ biến trong phân tích tình hình tài chính nhằm phản ánh kết quả, xác định vị trí và xu hướng biến động của các chỉ tiêu phân tích. Các kỹ thuật so sánh trong phương pháp này là :

✚ *So sánh theo chiều dọc :*

Là xem xét tỷ trọng của từng chỉ tiêu tương ứng (cùng cột báo cáo) trên Bảng cân đối kế toán, so với tổng thể để thấy được tỷ lệ tương quan giữa chúng.

Ví dụ: So sánh tỷ trọng của Tài sản ngắn hạn và Tài sản dài hạn trong Tổng tài sản; so sánh tỷ trọng của Nợ phải trả và Vốn chủ sở hữu trong Tổng nguồn vốn...

✚ *So sánh theo chiều ngang :*

- So sánh tất cả các chỉ tiêu bên phần Tài sản và Nguồn vốn giữa số cuối kỳ và số đầu kỳ, cả về số tuyệt đối và số tương đối.
- Phương pháp này cho ta thấy được xu thế biến động của các chỉ tiêu trong kỳ. Khi phân tích, thường xem xét xu hướng biến động ấy trong mối quan hệ với các chỉ tiêu khác có liên quan, từ đó rút ra được các kết luận chính xác.

(2): *Phương pháp cân đối :*



Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp hình thành nên nhiều mối quan hệ cân đối; cân đối là sự cân bằng về lượng giữa 2 mặt của yếu tố và quá trình kinh doanh.

Bằng việc sử dụng phương pháp so sánh này, các nhà quản lý sẽ liên hệ với tình hình sản xuất, kinh doanh cụ thể để đánh giá tính hợp lý của sự biến động theo từng chỉ tiêu cũng như biến động về tổng giá trị Tài sản, Nguồn vốn.

(3): *Phương pháp tỷ lệ* :

Cho phép tích lũy dữ liệu và thúc đẩy quá trình thanh toán hàng loạt, gồm có :

- *Tỷ lệ khả năng thanh toán* : Đánh giá khả năng đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp.
- *Tỷ lệ khả năng cân đối vốn, nguồn vốn* : Phản ánh mức độ ổn định và tự chủ tài chính.
- *Tỷ lệ khả năng sinh lời* : Phản ánh hiệu quả sản xuất kinh doanh tổng hợp nhất của doanh nghiệp.

### **1.3.3: Nội dung phân tích Bảng cân đối kế toán**

*1.3.3.1: Đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu cụ thể trên Bảng cân đối kế toán*

Việc đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp là việc xem xét, nhận định sơ bộ bước đầu về tình hình tài chính của doanh nghiệp. Công việc này giúp nhà quản trị nắm được tình hình tài chính của doanh nghiệp mình có khả quan hay không, đồng thời đưa ra những đánh giá khái quát về thực trạng tài chính của doanh nghiệp.

Để đánh giá tình hình tài chính, cần tiến hành :


✚ *Phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản* :

Công việc này được thực hiện để tiến hành so sánh sự biến động trên tổng tài sản cũng như từng loại tài sản cuối năm so với đầu năm. Đồng thời xem xét tỷ trọng của từng loại tài sản chiếm trong tổng số và xu hướng biến động của chúng để thấy được mức độ hợp lý của việc phân bổ.

Việc phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản được thể hiện qua bảng sau (Biểu số 1.2) :

**Biểu số 1.2: Bảng phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm	Chênh lệch ( $\pm$ )		Tỷ trọng (%)	
			Số tiền	Tỷ lệ (%)	Đầu năm	Cuối năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>						
I. Tiền và các khoản tương đương tiền						
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn						
III. Các khoản phải thu ngắn hạn						
IV. Hàng tồn kho						
V. Tài sản ngắn hạn						
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>						
I. Tài sản cố định						
II. Bất động sản đầu tư						
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn						
IV. Tài sản dài hạn khác						
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>						

 *Phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn :*

Công việc này được thực hiện nhằm so sánh sự biến động trên tổng nguồn vốn cũng như từng loại nguồn vốn cuối năm so với đầu năm. Đồng thời xem xét tỷ trọng chiếm trong tổng số và xu hướng biến động của chúng để thấy được cơ cấu và việc sử dụng vốn.

Việc phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn được thể hiện qua bảng sau (Biểu số 1.3) :

**Biểu số 1.3: Bảng phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm	Chênh lệch (±)		Tỷ trọng (%)	
			Số tiền	Tỷ lệ (%)	Đầu năm	Cuối năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>						
I. Nợ ngắn hạn						
II. Nợ dài hạn						
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>						
I. Vốn chủ sở hữu						
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>						

*1.3.3.2: Đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua khả năng thanh toán*

Phân tích khả năng thanh toán của doanh nghiệp giúp nhà quản lý và nhà đầu tư thấy được hiệu quả của hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Nếu hoạt động tài chính của doanh nghiệp tốt thì khả năng thanh toán của doanh nghiệp cao, ít công nợ cũng như ít bị chiếm dụng vốn. Ngược lại, tình hình hoạt động tài chính kém sẽ làm giảm khả năng thanh toán hay doanh nghiệp sẽ bị chiếm dụng vốn nhiều.

Phân tích khả năng thanh toán của doanh nghiệp, cần phân tích các chỉ tiêu sau:

✚ *Khả năng thanh toán tổng quát :*

$$\text{Hệ số thanh toán tổng quát} = \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Nợ phải trả}}$$

Chỉ tiêu này cho biết, tại thời điểm lập BCTC, với toàn bộ tài sản hiện có thì doanh nghiệp có đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ nay không.

Nếu hệ số này càng lớn thì khả năng thanh toán của doanh nghiệp càng cao, tình hình tài chính càng lành mạnh và ngược lại.

✚ *Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn :*

$$\text{Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn} = \frac{\text{Tổng tài sản nợ ngắn hạn}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

Chỉ tiêu *hệ số thanh toán nợ ngắn hạn* chỉ rõ khả năng chi trả các khoản nợ ngắn hạn đến hạn của doanh nghiệp.

Giá trị của chỉ tiêu này càng lớn thì khả năng tài chính của doanh nghiệp càng lành mạnh.

✚ *Khả năng thanh toán nhanh :*

$$\text{Hệ số thanh toán nhanh} = \frac{\text{Tiền và các khoản tương đương tiền}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

*Hệ số thanh toán nhanh* dùng để đánh giá khả năng thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn đến hạn của doanh nghiệp.

*Hệ số thanh toán nhanh* càng cao thì khả năng thanh toán công nợ của doanh nghiệp càng cao và ngược lại.

Tuy nhiên, nếu hệ số này quá cao thì vốn bằng tiền của doanh nghiệp quá nhiều, vòng quay vốn lưu động thấp, hiệu quả không cao. Thông thường, hệ số này trong khoản xấp xỉ 0,5 là hợp lý hơn cả.

## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VẬN TẢI HOÀNG SƠN**

### **2.1: Giới thiệu về Công ty CP Thương mại Vận tải Hoàng Sơn.**

#### **2.1.1: Giới thiệu chung về Công ty CP Thương mại Vận tải Hoàng Sơn.**

Công ty CP Thương mại Vận tải Hoàng Sơn được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp giấy phép kinh doanh số 0201751101 ngày 12 tháng 11 năm 2002.

- Tên giao dịch: HOANG SON TRADING AND TRANSPORT JOINT STOCK COMPANY.

- Tên công ty viết tắt: HOANG SON.,JSC

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 19A, ngõ 311 Đoạn Xá, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng .

- Người đại diện : Trần Hữu Kiên – Chức vụ: Giám đốc.

- Ngân hàng giao dịch: Ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh Hải Phòng.

- Số tài khoản: 109922091

- Vốn điều lệ: 50.000.000.000đ

- Mã số thuế: 0200453511

Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Hoàng Sơn bắt đầu đi vào hoạt động từ năm 2002. Những năm đầu mới đi vào hoạt động công ty gặp rất nhiều khó khăn cả về nguồn vốn lẫn cung cách tiếp cận thị trường. Từ năm 2002 do mới thành lập nên lợi nhuận của công ty vẫn chưa cao, trong thời gian này công ty chủ yếu hoạt với mục tiêu duy trì hoạt động tạo bước đà phát triển sau này. Từ năm 2010 đến nay do tình hình phát triển kinh tế cảng biển tạo thuận lợi cho việc tìm kiếm đối tác nhưng bên cạnh đó cũng gặp nhiều trở ngại do các đối thủ cạnh tranh.

#### **2.1.2: Ngành nghề kinh doanh của Công ty CP Thương mại Vận tải Hoàng Sơn**

Căn cứ vào giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn đăng ký hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Dịch vụ vận tải ô tô.
- Cho thuê kho bãi và lưu trữ hàng hóa.
- Bán buôn, thương mại vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng.

Công ty được ký hợp đồng kinh tế có liên quan đến hoạt động của đơn vị được mở tài khoản tại ngân hàng, có cơ sở vật chất, tài sản cố định và có con dấu riêng.

Công ty có các chức năng hoạt động sau:

- Tổ chức hạch toán kinh doanh có lãi trên nguyên tắc bảo toàn vốn, thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- Quản lý và sử dụng hiệu quả về lao động theo đúng chế độ chính sách, chăm lo cải thiện đời sống vật chất và nâng cao trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật và chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên.

### ***2.1.3: Những thuận lợi, khó khăn của Công ty CP Thương mại Vận tải Hoàng Sơn***

#### ***2.1.3.1: Thuận lợi :***

Là một công ty phát triển về lĩnh vực dịch vụ vận tải, nên Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Hoàng Sơn có lợi thế trong cạnh tranh thị trường khi giám đốc là người có nhiều kinh nghiệm, vị trí địa lý nằm gần khu vực cảng biển Hải Phòng thuận lợi cho việc chuyên chở hàng hóa, nguyên vật liệu khai thác dịch vụ vận tải hàng hóa. Bên cạnh đó việc có được cơ sở hạ tầng, máy móc và công nghệ phần mềm máy tính đã tạo thuận lợi cho bộ phận quản lý và bán hàng hoạt động với năng suất cao, đạt hiệu quả hơn.

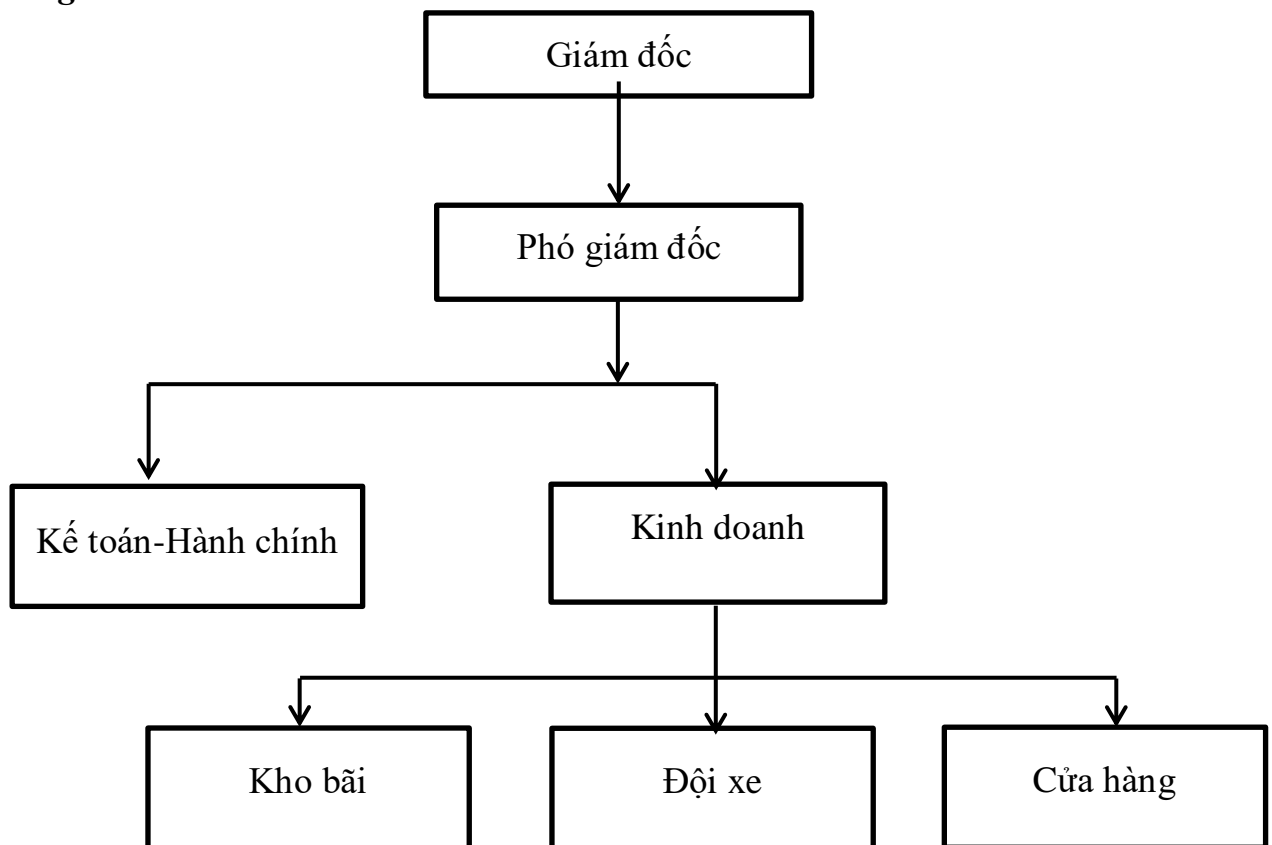
#### ***2.1.3.2: Khó khăn :***

Do giá cả thị trường nước ngoài về loại hàng hóa kinh doanh của doanh nghiệp là thay đổi và liên tục biến động khiến công ty khó kiểm soát được giá cả kèm theo sự thay đổi của người tiêu thụ chưa nhằm vào loại sản phẩm của công ty nên việc kinh doanh trở nên khó khăn và gặp nhiều thử thách. Bên cạnh đó thiếu vốn cũng là vấn đề khó giải quyết ở công ty.

#### **2.1.4: Những thành tích cơ bản mà công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Hoàng Sơn đạt được trong những năm gần đây.**

Trong những năm đầu do mới thành lập nên công ty hoạt động sản xuất kinh doanh chưa tốt, lợi nhuận tạo ra chưa cao thậm chí có những kỳ trong còn lỗ song đến những quý đầu của năm 2016 trở đi nguồn doanh thu tạo ra của công ty tăng nhanh, nhiều đơn đặt hàng, hợp đồng được ký kết, công ty nhanh chóng chiếm được vị thế trên thị trường, cạnh tranh với các đối thủ cùng lĩnh vực kinh doanh.

#### **2.1.5: Đặc điểm tổ chức bộ máy tại Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Hoàng Sơn.**



**Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy của công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Hoàng Sơn.**

##### **➤ Chức năng của từng bộ phận:**

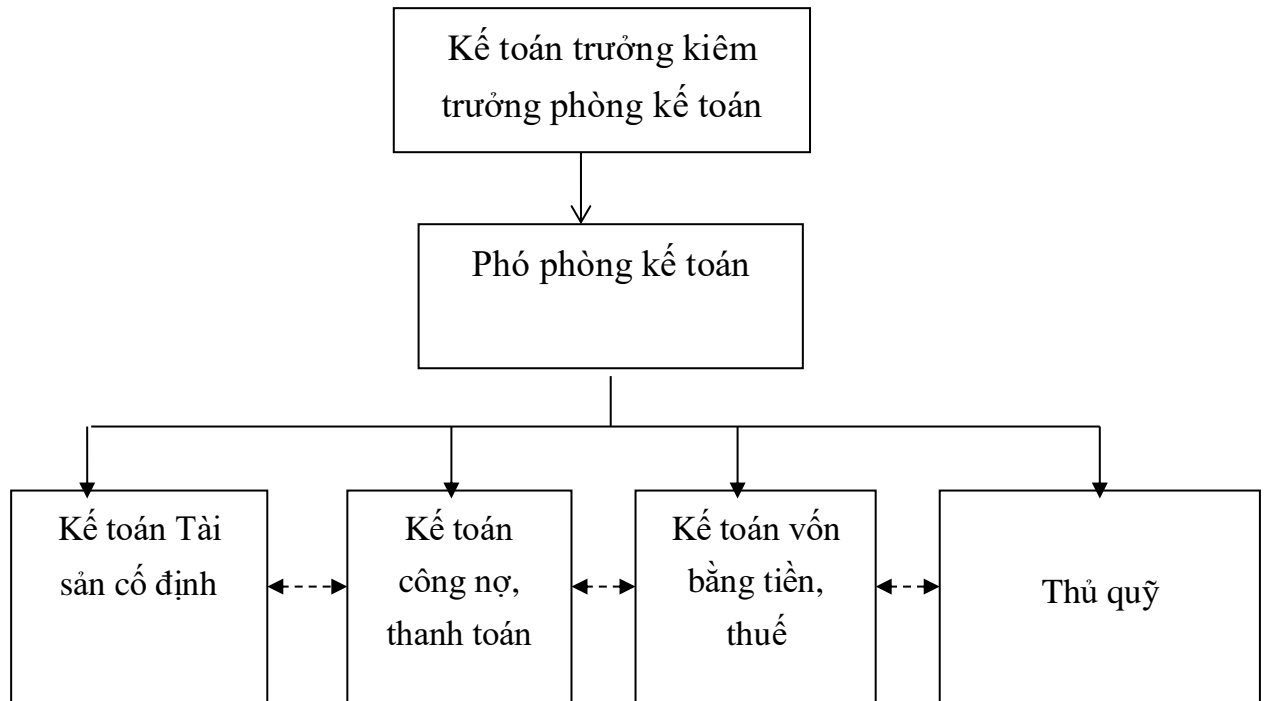
- **Giám đốc:** là người đại diện theo pháp luật của công ty, là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước hội đồng thành viên về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Phó giám đốc: là người giúp Giám đốc trong việc quản lý điều hành các hoạt động của công ty theo sự phân công của Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về hiệu quả các hoạt động.
- Bộ phận Kế toán - Hành chính: Giúp Giám đốc về công tác kế toán thống kê, thông tin kinh tế, các hoạt động liên quan đến quản lý tài chính. Quản lý, kiểm tra, hướng dẫn và thực hiện chế độ kế toán - thống kê; Quản lý tài chính, tài sản theo Pháp lệnh của Nhà nước, Điều lệ và quy chế tài chính của Công ty...
- Bộ phận Kinh doanh: là bộ phận trực tiếp chịu trách nhiệm thực hiện các hoạt động theo dõi, thực hiện các hợp đồng với khách hàng, giám sát, chỉ đạo bộ phận vận chuyên và lên kế hoạch thực hiện doanh thu, lợi nhuận đã đề ra.
- Bộ phận Kho bãi: là khu vực chính lưu trữ và bốc xếp hàng hóa hoạt động theo chỉ đạo của phòng kinh doanh, tổ chức, bảo quản, quản lý số lượng hàng hóa vật tư của công ty.
- Bộ phận Đội xe: là lực lượng thực hiện vận chuyển hàng hóa, kinh doanh chính của công ty tới khách hàng với chủ yếu là các phương tiện vận chuyên, vận hành theo chỉ đạo của trưởng bộ phận.
- Bộ phận Cửa hàng: có chức năng chính là tiếp nhận và xử lý các đơn hàng của khách hàng, thực hiện bán lẻ, bán buôn với số lượng có hạn các hàng hóa dịch vụ tại doanh nghiệp.



## 2.1.6: Đặc điểm công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Thương mại vận tải Hoàng Sơn.

### 2.1.6.1: Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.



Ghi chú:  $\longrightarrow$  Quan hệ trực tuyến  
 $\longleftrightarrow$  Quan hệ chức năng

### Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty CPTM Vận tải Hoàng Sơn.

Nhiệm vụ của các bộ phận:

- *Kế toán trưởng*: có trách nhiệm tổ chức công tác kế toán tại công ty, tham mưu cho giám đốc tình hình tài chính của công ty, khảo sát tình hình tài chính của công ty.
- *Phó phòng kế toán*: có trách nhiệm tổng hợp các số liệu, xử lý các nghiệp vụ kế toán, vào sổ kế toán, biểu mẫu kế toán, lên các báo cáo tổng hợp.
- *Kế toán công nợ, thanh toán*: theo dõi tình hình công nợ phải thu và công nợ phải trả của công ty, tình hình thanh toán các khoản trong nội bộ cty và với bên ngoài. Báo cáo kịp thời lên ban lãnh đạo công ty các khoản công nợ chậm trả, quá hạn khó đòi để ban lãnh đạo có hướng giải quyết kịp thời.

- *Kế toán vốn bằng tiền, thuế*: theo dõi tình hình tăng giảm các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng. Chịu trách nhiệm thu chi và bảo quản tiền, lập bảng kiểm kê tiền theo định kỳ để báo cáo lên cấp trên. Đồng thời theo dõi tình hình các khoản thuế phải nộp cho Nhà nước.
- *Kế toán tài sản cố định*: có trách nhiệm theo dõi tình hình tăng giảm tài sản cố định tại công ty, tổ chức khấu hao tài sản cố định. Theo dõi và lập báo cáo kiểm kê tài sản cố định. Lập kế hoạch sửa chữa lớn TSCĐ trong năm cho kế toán trưởng duyệt.
- *Thu quỹ*: có trách nhiệm trong kiểm soát dòng tiền thu – chi, nhập – xuất tiền tại công ty, theo dõi và báo cáo cho kế toán trưởng đồng thời theo dõi tình hình dư thừa tiền mặt tại công ty.

#### *2.1.6.2: Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.*

Công ty áp dụng chế độ kế toán theo Quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi theo TT 138/2011/TT-BTC.

Kỳ kế toán: từ ngày 1/1 đến ngày 31/12;

Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên;

Phương pháp tính giá hàng nhập kho theo phương pháp giá gốc, tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn;

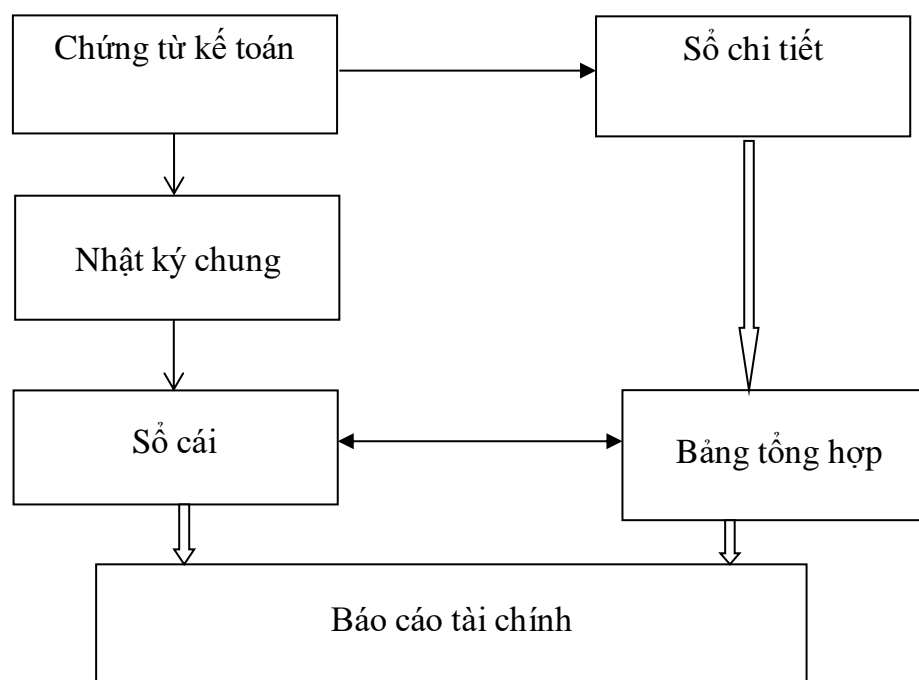
Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: theo phương pháp khấu hao đường thẳng;

Phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ;

#### *2.1.6.3: Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty.*

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung (Sơ đồ 2.3). Với hình thức Nhật ký chung, tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hệ thống sổ sách mà Công ty đang sử dụng bao gồm: Sổ Nhật ký chung (Công ty không mở Nhật ký đặc biệt), sổ cái, hệ thống sổ chi tiết.



**Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ theo hình thức nhật ký chung tại Công ty CPTM Vận tải Hoàng Sơn.**

**2.2: Thực trạng công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Hoàng Sơn.**

**2.2.1: Thực trạng công tác lập Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Hoàng Sơn.**

**2.2.1.1: Căn cứ lập Bảng cân đối kế toán tại công ty**

- Căn cứ vào Sổ Cái các tài khoản.
- Căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh.
- Căn cứ vào Bảng tổng hợp chi tiết.
- Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán năm trước.

**2.2.1.2: Quy trình lập Bảng cân đối kế toán tại công ty**

Quy trình lập *Bảng cân đối kế toán* tại Công ty Cổ phần Thương mại vận tải Hoàng Sơn được thực hiện trình tự các bước sau:

*Bước 1:* Kiểm tra tính có thật của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.

*Bước 2:* Tạm khóa sổ kế toán và tiến hành đối chiếu các số liệu từ các sổ kế toán liên quan.

*Bước 3:* Thực hiện các bút toán kết chuyển và khóa sổ kế toán chính thức.

*Bước 4: Lập Bảng cân đối số phát sinh.*

*Bước 5: Lập Bảng cân đối kế toán.*

*Bước 6: Kiểm tra, ký duyệt.*

### 2.2.1.3: Nội dung lập Bảng cân đối kế toán tại công ty

**✚ Bước 1: Kiểm tra tính có thật của các chứng từ phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán.**

Kiểm tra tính có thật các nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhằm phản ánh tính trung thực của thông tin trên Báo cáo tài chính. Vì vậy, đây là công việc được phòng Kế toán của Công ty tiến hành chặt chẽ.

Kế toán tiến hành kiểm tra như sau:

- Sắp xếp chứng từ kế toán theo trình tự thời gian phát sinh.
- Đối chiếu nội dung kinh tế, số tiền phát sinh từng chứng từ với nội dung kinh tế, số tiền của từng nghiệp vụ được phản ánh trong sổ sách kế toán.
- Nếu phát hiện sai sót, lập tức điều chỉnh và xử lý kịp thời.

**Ví dụ 1:** Kiểm tra tính có thật của nghiệp vụ:

- Nghiệp vụ 1: Ngày 24/12/2016, thanh toán tiền xăng dầu DO tại công ty xăng dầu số III theo HĐ 0002344 số tiền 4.900.909 đồng giá chưa thuế, thuế GTGT 10%, thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào HĐ 0002344 (Biểu số 2.1) kế toán kiểm tra đối chiếu với phiếu chi số 101 (Biểu số 2.2). Từ phiếu chi số 101 kiểm tra đối chiếu sổ quỹ tiền mặt (Biểu số 2.3) và sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.4), căn cứ Nhật ký chung kế toán kiểm tra đối chứng sổ Cái TK 111 (Biểu số 2.5).

**Biểu số 2.1:** Trích HĐ 0002344

<b>HÓA ĐƠN</b>		Mẫu số: 01GTKT3/001			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Ký hiệu: AA/15P			
Liên 2: Giao khách hàng		Số: <b>0002344</b>			
<i>Ngày 27 tháng 12 năm 2016</i>					
Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC III – TNHH MỘT THÀNH VIÊN</b>					
Mã số Thuế : <b>020012833</b>					
Địa chỉ : Số 1 Sở Dầu, phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam					
Số tài khoản : 124210111					
Điện thoại : (+84) 778259848					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VẬN TẢI HOÀNG SƠN</b>					
Mã số thuế: <b>0200453511</b>					
Địa chỉ: Số 1 Sở Dầu, phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam					
Hình thức thanh toán: CK		Số tài khoản: 880012161			
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	DO 0,05S	Lít	450	10.890,91	4.900.909
Cộng tiền hàng:					<b>4.900.909</b>
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		<b>490.091</b>	
Tổng cộng tiền thanh toán:					<b>5.391.000</b>
Số tiền viết bằng chữ: Năm triệu ba trăm chín mươi một nghìn đồng./.					
<b>Người mua hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Người bán hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán công ty)

**Biểu số 2.2: (Trích phiếu chi 101 ngày 24/12/2016)**

**Đơn vị: C/ty CP TM vận tải Hoàng Sơn**

**Mẫu số 01 - TT**

**Địa chỉ: 19A/331 Đoạn Xá, Đông Hải 1, HP**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/TT-BTC ngày 14/9/2006 của BTC)

**PHIẾU CHI**

Quyển số:.....

*Ngày 24 tháng 12 năm 2016*

Số: 101

Nợ: 154

Có: 111

Họ và tên người nhận tiền: Trần Thị Mai

Địa chỉ: Công ty Xăng Dầu Khu vực III-TNHH Một Thành Viên

Lý do chi: Thanh toán tiền mua hàng

Số tiền: 5.391.000 đồng (Viết bằng chữ): Năm triệu ba trăm chín mươi một nghìn đồng.

Kèm theo: . HĐ GTGT số 0002344 Chứng từ gốc.

*Ngày 24 tháng 12 năm 2016*

**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Người nhận tiền**

**Người lập phiếu**

**Thủ quỹ**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

*(Ký, họ tên)*

*(Ký, họ tên)*

*(Ký, họ tên)*

*(Ký, họ tên)*

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Năm triệu ba trăm chín mươi một nghìn đồng.

*(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán công ty)*

**Biểu số: 2.3** (Trích sổ quỹ tiền mặt tháng  
12/2016)

**Đơn vị: C/ty CP TM Vận tải Hoàng Sơn**

**Địa chỉ: 19A/331 Đoạn Xá, Đông Hải 1, HP**

**Mẫu số S04a - DNN**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/TT-  
BTC ngày 14/9/2006 của BTC)

**SỔ QUỸ TIỀN MẶT**

**Loại quỹ: Việt Nam đồng**

Đơn vị: đồng

NTGS	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Số tiền			Ghi chú
	Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn	
			Số dư đầu tháng 12			<b><u>539.324.038</u></b>	
...	...	...	...	...	...	...	
21/12	PT199		Thu Cước vận chuyển HĐ00329	5.610.000		286.484.000	
21/12	PT200		Thu Cước vận chuyển HĐ00330	18.000.000		292.094.000	
...	...	...	...	...	...	...	
<b>24/12</b>		<b>PC101</b>	<b>Trả tiền mua dầu DO HĐ 0002344</b>		<b>5.391.000</b>	<b>310.094.000</b>	
...	...	...	...	...	...	...	
27/12		PC102	Trả tiền mua dầu DO HĐ 0002347		18.688.802	310.405.198	
27/12	PT201		Khách hàng thanh toán Cước vận chuyển còn nợ	19.000.000		329.094.000	
			Cộng phát sinh tháng 12	214.990.000	591.403.583		
			Cộng lũy kế đầu năm	<b><u>5.422.069.681</u></b>	<b><u>5.305.989.297</u></b>		
			Số dư cuối năm			<b><u>201.302.256</u></b>	

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016  
**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán công ty)

**Biểu số: 2.4** (Trích sổ nhật ký chung tháng 12/2016)

**Đơn vị: C/ty CP TM Vận tải Hoàng Sơn**

**Địa chỉ: 19A/331 Đoạn Xá, Đông Hải 1, HP**

**Mẫu số S03a - DNN**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/TT-BTC ngày 14/9/2006 của BTC)

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ Cái	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
...	...	...	...		...	...	...
24/12	PC101	24/12	Dầu DO HĐ 0002344 Dầu DO theo ngày chứng từ gốc ngày		154	4.900.909	
24/12	PC101	24/12	Dầu DO HĐ 0002344 Cty Xăng Dầu Khu Vực III		133	490.091	
24/12	PC101	24/12	Dầu DO HĐ 0002344 Cty Xăng Dầu Khu Vực III		111		5.391.000
...	...	...	...		...	...	...
25/12	GBC2512	25/12	Công ty TNHH VT & XNK Thành Sơn trả tiền vận tải		112	99.660.000	
25/12	GBC2512	25/12	Công ty TNHH VT & XNK Thành Sơn trả tiền vận tải		131		99.660.000
25/12	GBC2512	25/12	Lãi tiền gửi nhập quỹ		112	19.248	
25/12	GBC2512	25/12	Lãi tiền gửi nhập quỹ		515		19.248
...	...	...	...		...	...	...
27/12	PC108	27/12	Mua dầu DO công ty xăng dầu khu vực I		154	16.989.820	
27/12	PC108	27/12	Mua dầu DO công ty xăng dầu khu vực I		133	1.698.820	
27/12	PC108	27/12	Mua dầu DO công ty xăng dầu khu vực I		111		18.688.640
...	...	...	...		...	...	...
			Cộng số phát sinh	x	X	<b>75.347.767.555</b>	<b>75.347.767.555</b>

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016  
**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán công ty)



**Biểu số: 2.5** (Trích sổ cái TK 111 tháng 12/2016)

**Mẫu số S03b - DNN**

**Đơn vị: C/ty CP TM Vận tải Hoàng Sơn**

**Địa chỉ: 19A/331 Đoạn Xá, Đông Hải 1, HP**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/TT-BTC ngày 14/9/2006 của BTC)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản Tiền mặt

Số hiệu tài khoản: 111

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			- Số dư đầu năm		<b>85.221.872</b>	
...	...	...	...	...	...	...
21/12	PT199	21/12	Thu Cước vận chuyển HĐ00329	131	5.610.000	
21/12	PT200	21/12	Thu Cước vận chuyển HĐ00330	131	18.000.000	
...	...	...	...	...	...	...
24/12	PC101	24/12	Trả tiền mua dầu DO HĐ 0002344	154		4.900.909
				133		490.091
...	...	...	...	...	...	...
27/12	PC102	27/12	Trả tiền mua dầu DO HĐ 0002347	154		16.989.820
				133		1.698.982
			- Cộng số phát sinh tháng 12	X	214.990.000	591.403.583
			- Cộng lũy kế từ đầu năm	x	<b>5.422.069.681</b>	<b>5.305.989.297</b>
			- Số dư cuối năm	X	<b>201.302.256</b>	


Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán công ty)

 **Bước 2:** Tạm khóa sổ kế toán và đối chiếu số liệu từ các sổ kế toán.

Tính số dư cuối kỳ của Sổ cái các tài khoản, Sổ chi tiết và Bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản ghi bằng bút chì. Sau đó đối chiếu số liệu giữa Sổ cái các tài khoản với Bảng tổng hợp chi tiết.

VD2:

Đối chiếu số liệu giữa Sổ cái TK 131 (Biểu 2.6) và Bảng tổng hợp chi tiết phải thu khách hàng (Biểu 2.7), giữa Sổ cái TK 331 (Biểu 2.8) và Bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán (Biểu 2.9)

**Biểu số: 2.6** (Trích sổ cái TK 131 tháng 12/2016)

**Đơn vị: C/ty CP TM Vận tải Hoàng Sơn**

**Địa chỉ: 19A/331 Đoạn Xá, Đông Hải 1, HP**

**Mẫu số S03b - DNN**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/TT-BTC ngày 14/9/2006 của BTC)

## SỔ CÁI

Tên tài khoản Phải thu của khách hàng

Số hiệu tài khoản: 131

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		<b>453.740.230</b>	
...	...	...	...	...	...	...
16/06	PT40	16/06	Công ty thương mại Hàng hải Trân Châu trả tiền mua hàng T5 bằng tiền mặt	111		76.024.200
	.....	.....		.....	.....	.....
22/06	HĐ0000222	22/06	Bán hàng cho cty thương mại Hàng hải Trân Châu	511	7.520.000	
				3331	752.000	
	.....	.....		.....	.....	.....
24/06	HĐ0000451	24/06	Bán hàng cho cty trách nhiệm hữu hạn Nam Anh	511	5.000.000	
				3331	500.000	
	.....	.....		.....	.....	.....
			Cộng phát sinh		<b>10.242.948.836</b>	<b>8.672.240.478</b>
			Số dư cuối kỳ		<b>2.024.448.588</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán công ty)

**Biểu số: 2.7** (Trích số cái TK 131 tháng 12/2016)

**Đơn vị: C/ty CP TM Vận tải Hoàng Sơn**

**Địa chỉ: 19A/331 Đoạn Xá, Đông Hải 1, HP**

**Mẫu số S03b - DNN**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/TT-BTC  
ngày 14/9/2006 của BTC)

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

Tên tài khoản Phải thu của khách hàng

Số hiệu tài khoản: 131

Đơn vị: đồng

Mã số	Tên khách hàng	Tồn đầu kỳ		Số PS trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
	.....	...		...	...	...	
131TH	Cty Cổ phần thương mại Thương Hoa	153.240.230		2.489.092.900	1.892.091.110	750.242.020	
131TC	Cty thương mại Hàng hải Trân Châu	81.025.733		34.902.000	90.000.289	25.927.444	
	.....	...		...	....	...	
	<b>Cộng phát sinh</b>	<b>453.740.230</b>		<b>10.242.948.836</b>	<b>8.672.240.478</b>	<b>2.024.448.588</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán công ty)

**Biểu số: 2.7** (Trích sổ cái TK 131 tháng 12/2016)

**Đơn vị: C/ty CP TM Vận tải Hoàng Sơn**

**Địa chỉ: 19A/331 Đoạn Xá, Đông Hải 1, HP**

**Mẫu số S03b - DNN**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/TT-BTC ngày 14/9/2006 của BTC)

## SỔ CÁI

Tên tài khoản Phải trả người bán

Số hiệu tài khoản: 331

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			<b>547.651.839</b>
...	...	...	...	...	...	...
16/06	PC25	16/06	Thanh toán tiền hành cho công ty TNHH Hoàng Long	111	125.977.533	
	.....	.....		.....	.....	.....
22/06	HĐ0000143	22/06	Mua hàng nhập kho chưa thanh toán của công ty cổ phần thương mại Phúc Huy	156		62.500.000
				133		6.250.000
	.....	.....		.....	.....	.....
23/06	HĐ0000178	23/06	Chi phí văn phòng phẩm chưa thanh toán của cửa hàng đại lý Hương My	642		4.310.000
				133		431.000
	.....	.....		.....	.....	.....
			Cộng phát sinh		<b>6.170.554.990</b>	<b>8.507.664.227</b>
			Số dư cuối kỳ			<b>2.884.761.076</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán công ty)

**Biểu số: 2.9** (Trích sổ cái TK 331 tháng 12/2016)

**Đơn vị: C/ty CP TM Vận tải Hoàng Sơn**

**Địa chỉ: 19A/331 Đoạn Xá, Đông Hải 1, HP**

**Mẫu số S03b - DNN**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/TT-BTC  
ngày 14/9/2006 của BTC)

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

Tên tài khoản Phải trả người bán

Số hiệu tài khoản: 331

Đơn vị: đồng

Mã số	Tên khách hàng	Tồn đầu kỳ		Số PS trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
	.....	...		...	...	...	
331HD	Cty Cổ phần thương mại Hùng Dũng		145.958.505	236.796.565	675.099.650		584.261.590
331DP	Cty TNHH thương mại Duy Phong		250.543.954	1.546.785.677	2.683.432.211		1.387.298.373
	.....	...		...	....	...	
	<b>Cộng phát sinh</b>		<b>547.651.839</b>	<b>6.170.554.990</b>	<b>8.507.664.227</b>		<b>2.884.761.076</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

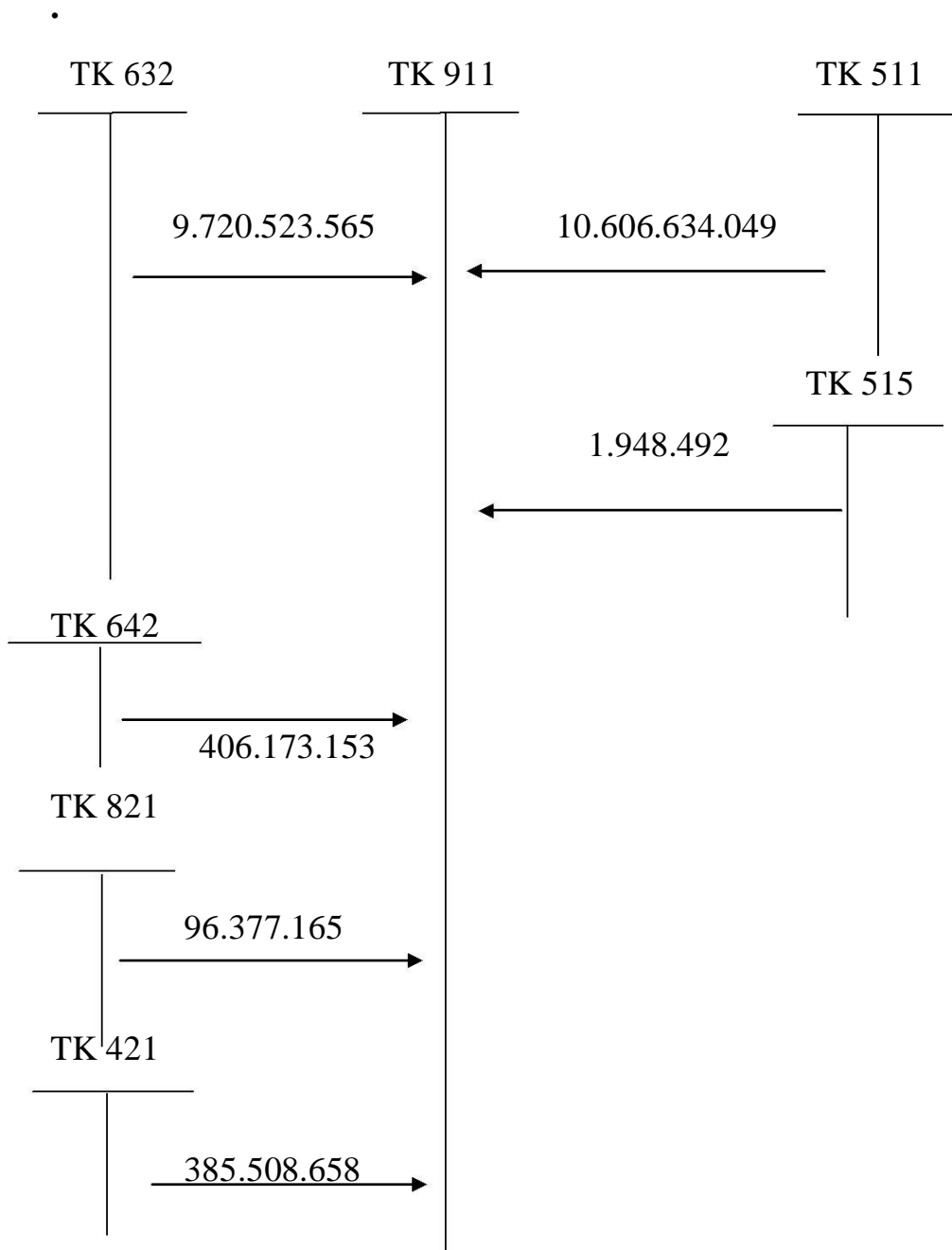
**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán công ty)

**Bước 3: Thực hiện các bút toán kết chuyển trung gian và tiến hành khóa sổ kế toán chính thức.**

Kế toán tiến hành thực hiện các bút toán kết chuyển, xác định kết quả kinh doanh.



**Sơ đồ 2.4: Tổng hợp các bút toán kết chuyển tại Công ty CPTM vận tải Hoàng Sơn năm 2016**

Sau khi thực hiện các bút toán kết chuyển trung gian, kế toán tiến hành khóa sổ kế toán.

#### **✚ Bước 4: Lập bảng cân đối số phát sinh tại Công ty CPTM vận tải Hoàng Sơn.**

*Nguyên tắc chung:*

Bảng cân đối số phát sinh là phương pháp kỹ thuật dùng để kiểm tra một cách tổng quát số liệu kế toán đã ghi trên các tài khoản tổng hợp.

Bảng cân đối số phát sinh được xây dựng trên 2 cơ sở:

- Tổng số dư bên Nợ của tất cả các tài khoản tổng hợp phải bằng tổng số dư bên Có của tất cả các tài khoản tổng hợp.
- Tổng phát sinh bên Nợ của các tài khoản tổng hợp phải bằng tổng phát sinh bên Có của các tài khoản tổng hợp.

#### **❖ Cách lập Bảng cân đối phát sinh tài khoản:**

- Mỗi tài khoản được ghi 1 dòng trên Bảng cân đối phát sinh
- Căn cứ vào sổ cái các tài khoản để lập Bảng cân đối phát sinh.

*Cách lập cụ thể các cột trên Bảng cân đối phát sinh như sau:*

- Cột số hiệu tài khoản: Dùng để đánh số theo tuần tự cho các tài khoản đã sử dụng trong kỳ từ tài khoản thứ nhất cho tới hết và được sắp xếp theo thứ tự tăng dần.
- Cột số dư đầu năm: Căn cứ dòng số dư đầu năm của các tài khoản trên sổ cái để ghi. Nếu số dư bên Nợ ghi vào cột Nợ, số dư bên Có ghi vào cột Có trên Bảng cân đối số phát sinh.
- Cột số phát sinh trong năm: Căn cứ vào dòng cộng số phát sinh trong năm của các tài khoản trên sổ cái để ghi, tổng số phát sinh Nợ ghi vào cột Nợ, tổng số phát sinh Có ghi vào cột Có.
- Cột số dư cuối năm căn cứ dòng số dư cuối năm của các tài khoản trên sổ cái để ghi. Số dư bên Nợ ghi vào cột Nợ, số dư bên Có ghi vào cột Có.
- Cuối cùng, tính ra tổng của tất cả các cột để so sánh giữa bên Nợ và bên Có của từng cột: Số dư đầu năm, số phát sinh trong năm, số dư cuối năm có bằng nhau từng cặp một hay không.



**Ví dụ 3:** Cách lập chỉ tiêu tiền mặt – TK 111 trên bảng cân đối số phát sinh của Công ty vào năm 2016.

Cột “Số hiệu tài khoản” là: 111

Cột “Tài khoản” là: Tiền mặt

Cột “Số dư đầu năm”: Số liệu để ghi vào cột này là số dư Nợ đầu năm trên

Sổ cái TK 111, số tiền là: 85.221.872 đồng.

Cột “Số phát sinh trong năm”: Số tiền ghi vào cột Nợ căn cứ vào cột cộng phát sinh bên Nợ trên Sổ cái TK 111, số tiền là: 5.422.069.681 đồng. Số liệu ghi vào cột Có căn cứ vào cột cộng phát sinh bên Có trên Sổ cái TK 111, số tiền là: 5.305.989.297 đồng.

Cột “Số dư cuối năm”: Số liệu để ghi vào cột này là số dư bên Nợ trên Sổ cái TK 111, số tiền 201.302.256 đồng.

Các chỉ tiêu khác trên Bảng cân đối số phát sinh được lập tương tự và Bảng cân đối phát sinh năm 2016 của Công ty CP Thương mại Vận tải Hoàng Sơn như sau ( biểu 2.10).

**Biểu số: 2.10** (Trích Bảng cân đối số phát sinh năm 2016)

**Công ty CPTM Vận tải Hoàng Sơn**

**Mẫu số: F01 – DNN**

**ĐC: 19A/331 Đoạn Xá, Đông Hải 1, HP**

(Ban hành theo QĐ số: Ngày 14/9/2006 của  
48/2006/QĐ- BTC Bộ trưởng BTC)

**BẢNG CÂN ĐỐI SỐ PHÁT SINH**

Năm 2016

Đơn vị: đồng

Số hiệu TK	Tài khoản	Số dư đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số dư cuối năm	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
111	Tiền mặt	85.221.872	-	5.422.069.681	5.305.989.297	201.302.256	-
112	Tiền gửi ngân hàng	454.518.580	-	10.671.133.444	10.605.265.931	520.386.093	-
131	Phải thu của khách hàng	453.740.230	-	10.242.948.836	8.672.240.478	2.024.448.588	-
133	Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	67.286.010	-	661.366.881	580.557.167	148.095.724	-
138	Phải thu khác			150.589.591	150.589.591		-
152	Nguyên liệu, vật liệu	141.072.242				141.072.242	
154	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	389.244.650	-	4.957.486.298	3.975.854.241	1.370.876.707	-
156	Hàng hóa			3.543.024.184	3.201.319.440	341.704.744	-
211	Tài sản cố định	1.574.783.402				1.574.783.402	-
214	Hao mòn TSCĐ		1.001.637.466	-	382.097.290	-	1.383.734.756

242	Chi phí trả trước dài hạn	39.679.715	-	44.687.273	75.429.533	8.937.455	-
244	Ký quỹ,ký cược dài hạn			21.500.000		21.500.000	
331	Phải trả cho người bán	-	547.651.839	6.170.554.990	8.507.664.227	-	2.884.761.076
333	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		6.807.722	1.283.463.031	1.328.938.358		52.283.049
334	Phải trả người lao động	-	-	438.500.000	438.500.000	-	-
338	Phải trả,phải nộp khác	390	3.020.000	276.110.090	273.480.090		
411	Nguồn vốn kinh doanh	-	1.500.000.000	-	-	-	1.500.000.000
421	Lợi nhuận chưa phân phối		146.819.674	-	385.508.658		532.328.332
511	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-	10.606.634.049	10.606.634.049	-	-
515	Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	1.948.492	1.948.492	-	-
632	Giá vốn hàng bán	-	-	9.720.523.565	9.720.523.565	-	-
635	Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-
642	Chi phí quản lý kinh doanh	-	-	406.173.153	406.173.153	-	-
821	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	96.377.165	96.377.165	-	-
911	Xác định kết quả kinh doanh	-	-	10.608.582.541	10.608.582.541	-	-
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.205.936.701</b>	<b>3.205.936.701</b>	<b>75.347.767.555</b>	<b>75.347.767.555</b>	<b>6.353.107.211</b>	<b>6.353.107.211</b>

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán công ty)

**Bước 5:** Lập Bảng cân đối kế toán tại Công ty CPTM Vận tải Hoàng Sơn.

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016 của Công ty được lập theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ Tài chính, đã sửa đổi bổ sung theo Thông tư 138/2011/TT-BTC ban hành ngày 04/10/2011 của Bộ Tài chính được lập như sau:

Cột “Chỉ tiêu” để phản ánh các chỉ tiêu trên BCDKT.

Cột “Mã số” để tổng hợp số liệu các chỉ tiêu trên BCDKT

Cột “Thuyết minh” là số liệu các chỉ tiêu trong bản thuyết minh BCTC năm thể hiện số liệu chi tiết của các chỉ tiêu này trong BCDKT.

Cột “Số đầu năm” căn cứ vào số liệu của cột “Số cuối năm” trên Bảng cân đối kế toán của Công ty CPTM Vận tải Hoàng Sơn năm 2015.

Cột “Số cuối năm” kế toán căn cứ vào Sổ cái, Bảng tổng hợp chi tiết tài khoản năm 2016 của Công ty để lập các chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán.

Việc lập các chỉ tiêu cụ thể của Bảng cân đối kế toán được Công ty CPTM Vận tải Hoàng Sơn tiến hành như sau:

## **PHẦN TÀI SẢN**

### **A – TÀI SẢN NGẮN HẠN (Mã số 100)**

#### **I. Tiền và các khoản tương đương tiền (Mã số 110)**

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ trên Sổ cái các TK 111 “Tiền mặt” là 201.302.256 đồng, TK 112 “Tiền gửi ngân hàng” là 520.386.093 đồng.

Mã số 110 = 201.302.256 + 520.386.093 = 721.688.349 đồng.

Đầu tư tài chính ngắn hạn (Mã số 120)

1.Đầu tư tài chính ngắn hạn (Mã số 121): Không có số liệu.

2.Dự phòng giảm giá đầu ty tài chính ngắn hạn (Mã số 129): Không có số liệu.

Mã số 120 = Mã số 121 + Mã số 129 = 0 + 0 = 0

Các khoản phải thu ngắn hạn (Mã số 130) 1.Phải thu của khách hàng (Mã số 131)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ chi tiết ngắn hạn trên Bảng tổng hợp chi tiết của TK 131 “ Phải thu của khách hàng” là 2.024.448.588 đồng.

2.Trả trước cho người bán (Mã số 132): Không có số liệu.

3.Các khoản phải thu khác (Mã số 138)

Hoàn thiện công tác lập và phân tochs bảng cân đối kế toán tại Công ty CPTM Vận tải Hoàng Sơn  
Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ chi tiết ngắn hạn trên Bảng tổng hợp chi tiết của các TK 1388 là 0 đồng, TK 334 là 0 đồng, TK 338 là 0 đồng.

Mã số 138 = 0 + 0 + 0 = 0 đồng.

4. Dự phòng phải thu khó đòi (Mã số 139): Không có số liệu.

Mã số 130 = Mã số 131 + Mã số 132 + Mã số 138 + Mã số 139  
= 2.024.448.588 + 0 + 0 + 0 = 2.024.448.588 đồng.

#### **IV. Hàng tồn kho (Mã số 140)** 1. Hàng tồn kho (Mã số 141)

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ trên Sổ cái tài khoản 152 “Nguyên liệu, vật liệu” là 141.072.242 đồng, TK 153 “Công cụ, dụng cụ” là 0 đồng, TK 154 “Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang” là 1.370.876.707 đồng, TK 155 “Thành phẩm” là 0 đồng, TK 156 “Hàng hóa” là 341.704.744 đồng, TK 157 “Hàng gửi đi bán” là: 0 đồng.

Mã số 141 = 141.072.242 + 0 + 1.370.876.707 + 0 + 341.704.744 + 0 =  
1.853.653.693 đồng

2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Mã số 149): Không có số liệu.

Mã số 140 = Mã số 141 + Mã số 149 = 1.853.653.693 + 0 = 1.853.653.693 đồng.

#### **V. Tài sản ngắn hạn khác (Mã số 150)**

1. Thuế GTGT được khấu trừ (Mã số 151)

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ trên Sổ cái TK 133 số tiền là:  
148.095.724 đồng.

2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (Mã số 152)

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ trên Bảng tổng hợp chi tiết TK 333, số tiền là: 0 đồng.

3. Tài sản ngắn hạn khác (Mã số 158)

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ trên Sổ cái TK 142 “Chi phí trả trước ngắn hạn”, số tiền 0 đồng.

Mã số 150 = Mã số 151 + Mã số 152 + Mã số 158 = 148.095.724 + 0 + 0 =  
148.095.724 đồng.

**Mã số 100 = Mã số 110 + Mã số 120 + Mã số 130 + Mã số 140 + Mã số 150 =  
721.688.349 + 0 + 2.024.448.588 + 1.853.653.693 + 148.095.724 =  
4.747.886.354 đồng.**

## **B – TÀI SẢN DÀI HẠN (Mã số 200)**

### **I. Tài sản cố định (Mã số 210) 1. Nguyên giá (Mã số 211)**

Số liệu này được lấy từ số dư Nợ trên Sổ cái của TK 211 “Tài sản cố định”, số tiền 1.574.783.402 đồng.

### **2. Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 212)**

Số liệu được lấy từ số dư Có trên Sổ cái TK 214 “Hao mòn tài sản cố định” và ghi âm, số tiền (1.383.734.756) đồng.

### **3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Mã số 213): Không có số liệu.**

$\text{Mã số 210} = \text{Mã số 211} + \text{Mã số 212} + \text{Mã số 213} = 1.574.783.402 + (1.383.734.756) + 0 = 191.048.646$  đồng.

**II. Bất động sản đầu tư (Mã số 220) 1. Nguyên giá (Mã số 221): Không có số liệu**

**2. Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 222): không có số liệu**  $\text{Mã số 220} = \text{Mã số 221} + \text{Mã số 222} = 0 + 0 = 0$  đồng.

**III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Mã số 230) 1. Đầu tư tài chính dài hạn (Mã số 231): Không có số liệu.**

**2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (Mã số 239): Không có số liệu.**  $\text{Mã số 230} = \text{Mã số 231} + \text{Mã số 239} = 0 + 0 = 0$  đồng.

### **IV. Tài sản dài hạn khác (Mã số 240)**

**1. Phải thu dài hạn (Mã số 241): Không có số liệu**

**2. Tài sản dài hạn khác (Mã số 248): Số liệu được lấy từ số dư Nợ trên Sổ cái TK 242 “Chi phí trả trước dài hạn”, số tiền 8.937.455 đồng và số dư Nợ trên Sổ cái TK 244 “Ký quỹ, ký cược dài hạn” số tiền 21.500.000 đồng**

**3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (Mã số 249): Không có số liệu.**

$\text{Mã số 240} = \text{Mã số 241} + \text{Mã số 248} + \text{Mã số 249} = 0 + 8.937.455 + 21.500.000 + 0 = 30.437.455$  đồng.

$\text{Mã số 200} = \text{Mã số 210} + \text{Mã số 220} + \text{Mã số 230} + \text{Mã số 240} = 191.048.646 + 0 + 0 + 30.437.455 = 221.486.101$  đồng.

**TỔNG CỘNG TÀI SẢN (Mã số 250) = Mã số 100 + Mã số 200 = 4.747.886.354 + 221.486.101 = 4.969.372.455 đồng.**

## **PHẦN NGUỒN VỐN**

### **A – NỢ PHẢI TRẢ (Mã số 300)**

#### **I. Nợ ngắn hạn (Mã số 310)**

##### 1.Vay ngắn hạn (Mã số 311)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 311 “Vay ngắn hạn” trên Sổ cái, số tiền là 0 đồng.

##### 2.Phải trả cho người bán (Mã số 312)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có trên Bảng tổng hợp chi tiết TK 331 “Phải trả người bán” được phân loại ngắn hạn mở theo từng người bán trên sổ kế toán chi tiết TK 331, số tiền 2.884.761.075 đồng.

##### 3.Người mua trả tiền trước (Mã số 313): Không có số liệu.

##### 4.Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Mã số 314)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có trên Bảng tổng hợp chi tiết TK 3334 “Thuế thu nhập DN” số tiền 52.283.049 đồng

##### 5.Phải trả người lao động (Mã số 315): Không có số liệu

##### 6.Chi phí phải trả (Mã số 316): Không có số liệu

##### 7.Các khoản phải trả ngắn hạn khác (Mã số 318): Không có số liệu

##### 8.Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Mã số 323): Không có số liệu

##### 9.Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ (Mã số 327): Không có số liệu

##### 10.Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn (Mã số 328): Không có số liệu

##### 11.Dự phòng phải trả ngắn hạn (Mã số 329): Không có số liệu

Mã số 310 = Mã số 311 + Mã số 312 + Mã số 313 + Mã số 314 + Mã số 315  
+ Mã số 316 + Mã số 318 + Mã số 323 + Mã số 327 + Mã số 328 + Mã số  
329 = 0 + 2.884.761.075 + 0 + 52.283.049 + 0 + 0 + 0 + 0 + 0 + 0 + 0 =  
2.937.046.124 đồng.

#### **II.Nợ dài hạn (Mã số 330)**

##### 1.Vay và nợ dài hạn (Mã số 331): Không có số liệu

##### 2.Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm (Mã số 332): Không có số liệu

##### 3.Doanh thu chưa thực hiện dài hạn (Mã số 334): Không có số liệu

##### 4.Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (Mã số 336): Không có số liệu

##### 5.Phải trả, phải nộp dài hạn khác (Mã số 338): Không có số liệu

6. Dự phòng phải trả dài hạn (Mã số 339): Không có số liệu

$$\begin{aligned} \text{Mã số 330} &= \text{Mã số 331} + \text{Mã số 332} + \text{Mã số 334} + \text{Mã số 336} + \text{Mã số 338} \\ &+ \text{Mã số 339} = 0 + 0 + 0 + 0 + 0 + 0 = 0 \text{ đồng.} \end{aligned}$$

$$\text{Mã số 300} = \text{Mã số 310} + \text{Mã số 330} = 2.937.046.124 + 0 = 2.937.046.124$$

## **B – VỐN CHỦ SỞ HỮU (Mã số 400)**

### **I. Vốn chủ sở hữu (Mã số 410)**

1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Mã số 411)

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 4111 “Vốn đầu tư của chủ sở hữu” trên Sổ kế toán chi tiết TK 4111, số tiền 1.500.000.000 đồng.

2. Thặng dư vốn cổ phần (Mã số 412): Không có số liệu

3. Vốn khác của chủ sở hữu (Mã số 413): Không có số liệu

4. Cổ phiếu quỹ (Mã số 414): Không có số liệu

5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái (Mã số 415): Không có số liệu

6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu (Mã số 416): Không có số liệu

7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 417)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 421 “Lợi nhuận chưa phân phối” trên Sổ cái, số tiền 532.328.332 đồng.

$$\begin{aligned} \text{Mã số 410} &= \text{Mã số 411} + \text{Mã số 412} + \text{Mã số 413} + \text{Mã số 414} + \text{Mã số 415} + \\ &\text{Mã số 416} + \text{Mã số 417} = 1.500.000.000 + 0 + 0 + 0 + 0 + 0 + 532.328.332 = \\ &2.032.328.332 \text{ đồng.} \end{aligned}$$

$$\text{Mã số 400} = \text{Mã số 410} = 2.032.328.332 \text{ đồng.}$$

$$\text{TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (Mã số 440)} = \text{Mã số 300} + \text{Mã số 400} = 2.937.046.124 + 2.032.328.332 = 4.969.372.455 \text{ đồng.}$$

Các chỉ tiêu ngoài Bảng cân đối kế toán: Công ty không phát sinh những chỉ tiêu này.

Sau khi lập xong các chỉ tiêu, Bảng cân đối kế toán của Công ty CPTM Vận tải Hoàng Sơn tại ngày 31/12/2016 được lập hoàn chỉnh như biểu sau (Biểu 2.11).

### **✚ Bước 6: Kiểm tra, ký duyệt**

Sau khi lập xong Bảng cân đối kế toán, người lập sẽ cùng kế toán trưởng kiểm tra lại lần nữa, sau đó đem in ra và ký duyệt. Cuối cùng, Bảng cân đối kế toán cùng với các Báo cáo tài chính khác sẽ được kế toán trưởng trình lên Giám đốc xem xét và ký duyệt.



**Biểu số: 2.11** (Trích Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2016)

**Công ty CPTM Vận tải Hoàng Sơn**

**Mẫu số: B01 – DNN**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

**ĐC: 19A/331 Đoạn Xá, Đông Hải 1, HP**

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	31/12/2015
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>4.747.886.354</b>	<b>1.591.473.584</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>(III.01)</b>	<b>721.688.349</b>	<b>539.40.452</b>
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>(III.05)</b>	-	-
1. Đầu tư tài chính ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn (*)	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.024.448.588</b>	<b>453.740.230</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		2.024.448.588	453.740.230
2. Trả trước cho người bán	132		-	-
3. Các khoản phải thu khác	138		-	-
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.853.653.693</b>	<b>530.316.892</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>(III.02)</b>	1.853.653.693	530.316.892
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>148.095.724</b>	<b>67.676.010</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	151		148.095.724	67.676.010
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	152		-	-
3. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+230+240)	<b>200</b>		<b>221.486.101</b>	<b>612.825.651</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>210</b>	<b>(III.03.04)</b>	<b>191.048.646</b>	<b>573.145.936</b>
1. Nguyên giá	211		1.574.783.402	1.574.783.402
2. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	212		(1.383.734.756)	(1.001.637.466)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	213		-	-
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>220</b>		-	-

Hoàn thiện công tác lập và phân tochs bảng cân đối kế toán tại Công ty CPTM Vận tải Hoàng Sơn

1. Nguyên giá	221		-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	222		-	-
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>230</b>	<b>(III.05)</b>	-	-
1. Đầu tư tài chính dài hạn	231		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	239		-	-
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>240</b>		<b>30.437.455</b>	<b>39.679.715</b>
1. Phải thu dài hạn	241		-	-
2. Tài sản dài hạn khác	248		30.437.455	39.679.715
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	249		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (250=100+200)</b>	<b>250</b>		<b>4.969.372.455</b>	<b>2.204.299.235</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>2.937.046.124</b>	<b>557.479.561</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.937.046.124</b>	<b>557.479.561</b>
1. Vay ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả cho người bán	312		2.884.761.075	547.651.839
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		52.285.049	6.807.722-
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	318		-	3.020.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
9. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
10. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Vay và nợ dài hạn	331		-	-
2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	332		-	-
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	334		-	-
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	336		-	-
5. Phải trả, phải nộp dài hạn khác	338		-	-
6. Dự phòng phải trả dài hạn	339		-	-
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>2.032.328.332</b>	<b>1.646.819.674</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>(III.07)</b>	<b>2.032.328.332</b>	<b>1.646.819.674</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.500.000.000	1.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		-	-
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416		-	-
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		532.328.332	146.819.674

<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> <b>(440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>4.969.372.455</b>	<b>2.204.299.235</b>
--	------------	--	----------------------	----------------------

### **TÀI KHOẢN NGOÀI BẢNG**

1. Tài sản thuê ngoài				-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, gia công				-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, ký gửi, ký cược				-
4. Nợ khó đòi đã xử lý				-
5. Ngoại tệ các loại				-

**Người lập biểu**

(Đã ký)

**Kế toán trưởng**

(Đã ký)

**Giám đốc**

(Đã ký, đóng dấu)

*(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán công ty)*

### **2.2.2 Thực trạng công tác phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Hoàng Sơn**

Tại Công ty CPTM Vận tải Hoàng Sơn không tiến hành phân tích Bảng cân đối kế toán.

## **CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VẬN TẢI HOÀNG SƠN**

### **3.1: Một số định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Hoàng Sơn trong thời gian tới**

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế và trước những yêu cầu nghiêm ngặt của quá trình hội nhập, những thách thức và biến Động của thị trường quốc tế nói chung và trong nước nói riêng. Công ty CPTM Vận tải Hoàng Sơn đã có những định hướng cụ thể trong thời gian tới:

- Đẩy mạnh hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mở rộng thị trường.
- Khai thác và sử dụng hiệu quả các loại nguồn vốn, nhanh chóng thu hồi công nợ và nâng cao hoạt động tài chính của Công ty.
- Thực hiện tốt các cam kết đã ký trong hợp đồng kinh tế, hợp đồng tín dụng.
- Chăm lo tốt đời sống vật chất cũng như tinh thần cho các cán bộ công nhân viên, thường xuyên đào tạo bồi dưỡng thêm kiến thức chuyên môn cho nhân viên trong Công ty.

### **3.2: Những ưu điểm và hạn chế trong công tác kế toán nói chung và công tác lập, phân tích Bảng cân đối kế toán nói riêng tại Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Hoàng Sơn**


#### ***3.2.1: Ưu điểm trong công tác kế toán và công tác lập, phân tích Bảng cân đối kế toán tại công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Hoàng Sơn***

##### Về tổ chức bộ máy quản lý

Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng theo mô hình trực tuyến chức năng, chỉ đạo thống nhất từ trên xuống dưới, phù hợp với nền kinh tế thị trường. Lãnh đạo các phòng chức năng ngoài thực hiện các nhiệm vụ chính của mình còn tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo đơn vị. Cơ cấu quản lý trực tuyến chức năng kết hợp với công tác quản lý theo chiều dọc, chiều ngang tạo cho cơ cấu quản lý không bị vướng mắc, chồng chéo lẫn nhau, tạo mối quan hệ gắn bó giữa các thành phần trong tổ chức.

##### Về bộ máy kế toán và hệ thống sổ sách kế toán.

- Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo hình thức tập trung và được thực hiện tại Phòng Kế toán Tài vụ. Mô hình này giúp cho việc thực hiện
- các công việc của nhân viên kế toán tốt hơn. Kế toán vừa phát huy được trình độ của mình, vừa đảm bảo sự tập trung thống nhất trong công tác kế toán.
- Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi nhận đầy đủ, chính xác tại phòng kế toán của Công ty. Công việc hàng ngày đều được phân công rõ ràng cho từng người dưới sự điều hành của kế toán trưởng.
- Công ty áp dụng đúng hệ thống sổ sách của chế độ kế toán ban hành theo Quyết định số: 48/2006/QĐ - BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính, thực hiện đúng phương pháp kế toán hàng tồn kho, tính giá trị hàng xuất kho, trích khấu hao TSCĐ như đăng ký ban đầu. Hệ thống tài khoản của Công ty luôn được cập nhật theo quyết định mới nhất.
- Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung, hình thức này vừa mang tính chất tổng hợp, vừa mang tính chất chi tiết, phù hợp với trình độ của kế toán viên, giúp công tác quản lý, tìm kiếm dữ liệu được tiến hành một cách thuận tiện, nhanh chóng.

 Về công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán.

➤ Bảng cân đối kế toán được lập đúng theo chế độ kế toán ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và Thông tư 138/2011/TT-BTC ban hành ngày 04/10/2011 của Bộ Tài chính.

➤ Các chứng từ được giám sát, kiểm tra, đối chiếu chặt chẽ, đảm bảo chính xác nội dung và số liệu trên sổ sách và Báo cáo tài chính.

➤ Các báo cáo tài chính luôn được đảm bảo kịp thời, chính xác nhằm phục vụ cho việc minh bạch hóa tình hình tài chính.

### **3.2.2: Hạn chế trong công tác kế toán và công tác lập , phân tích Bảng cân đối kế toán tại công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Hoàng Sơn**

Ngoài những ưu điểm kể trên, công tác kế toán tại Công ty vẫn còn những mặt hạn chế sau:

- Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán áp dụng cho công việc kế toán nói chung và lập BCTC, BCĐKT nói riêng. Do đó thông tin kế toán cung cấp thường chậm quá thời hạn và thiếu chính xác, lượng thông tin chưa

cao, kế toán phải mất nhiều thời gian và công sức trong việc lập BCTC cũng như lập BCĐKT.

- Trình độ chuyên môn của đội ngũ kế toán chưa đồng đều, dẫn tới việc phối hợp thiếu nhịp nhàng giữa các phần hành kế toán, khó tránh khỏi những vướng mắc trong việc tổng hợp số liệu để lập BCTC. Phòng kế toán hiện tại có 3 người, 1 kế toán trưởng và 2 kế toán viên. Kế toán trưởng đã học xong đại học, học qua các lớp về phân tích tài chính, có kinh nghiệm làm kế toán. Còn các kế toán viên mới học đến cao đẳng, chưa có nhiều kinh nghiệm làm kế toán cũng như kinh nghiệm về lập BCTC cáo tài chính. Chính vì vậy nên kế toán trưởng không thể chú tâm vào việc phân tích BCTC của doanh nghiệp.
- Sau khi lập BCTC, Công ty chưa tiến hành phân tích BCTC nói chung cũng như BCĐKT nói riêng nên chưa thể thấy rõ được tình hình tài chính, tình hình biến động về tài sản và nguồn vốn của Công ty. Vì vậy nên chưa đáp ứng kịp thời thông tin cho nhà quản lý để họ có thể đưa ra các quyết định quản lý tài chính một cách chính xác và đầy đủ nhất, cũng như đưa ra những giải pháp khắc phục các hạn chế còn tồn tại trong Công ty.

### **3.3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Hoàng Sơn**

Qua thời gian thực tập tại Công ty, em đã tìm hiểu được những ưu và nhược điểm trong công tác hạch toán kế toán và lập Báo cáo tài chính như đã trình bày ở trên. Vận dụng những kiến thức đã học, em xin nêu ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty CPTM vận tải Hoàng Sơn.

#### ***3.3.1: Ý kiến đề xuất thứ nhất: Công ty nên nâng cao trình độ, kỹ năng cho các kế toán viên***

Các nhân viên kế toán của Công ty có trình độ chuyên môn chưa đồng đều, dẫn tới việc phối hợp thiếu nhịp nhàng giữa các phần hành kế toán, khó tránh khỏi những vướng mắc trong việc tổng hợp số liệu để lập BCTC. Công ty cần đưa ra chính sách nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên kế toán như là đăng ký cho nhân viên của Công ty mình tham gia học những lớp về nghiệp vụ chuyên môn kế toán, tìm hiểu sâu hơn về hoạt động kế toán cũng như phân tích Báo cáo tài chính để giúp cho công tác kế toán được chính xác hơn, có thể đưa ra những thông tin đáng tin cậy và hữu ích cho nhà quản trị. Từ đó giúp nhà

---

Hoàn thiện công tác lập và phân tochs bảng cân đối kế toán tại Công ty CPTM Vận tải Hoàng Sơn quản lý đưa ra được những chính sách, phương hướng để Công ty phát triển hơn trong tương lai.

### ***3.3.2: Ý kiến đề xuất thứ hai: Công ty nên tổ chức công tác phân tích Bảng cân đối kế toán***

Báo cáo tài chính nói chung và Bảng cân đối kế toán nói riêng có vai trò hết sức quan trọng. Nó cung cấp các thông tin kinh tế, tài chính chủ yếu, giúp cho nhà quản trị đánh giá được tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, đồng thời đưa ra các quyết định chuẩn xác trong quá trình kinh doanh ở tương lai. Mà số liệu trong BCDKT là nguồn căn cứ quan trọng cho việc đề ra các quyết định về quản lý. Do đó, Công ty cần coi trọng và tiến hành phân tích BCDKT một cách chi tiết, đầy đủ.

Để phân tích BCDKT một cách hiệu quả, Công ty nên lập kế hoạch phân tích cụ thể theo trình tự sau:

#### ***Bước 1: Lập kế hoạch phân tích.***

- Chỉ rõ nội dung phân tích.
- Chỉ rõ các chỉ tiêu cần phân tích.
- Chỉ rõ khoảng thời gian phân tích, thời gian bắt đầu và thời gian kết thúc quá trình phân tích.
- Xác định người thực hiện phân tích và chi phí cần thiết cho hoạt động phân tích.

#### ***Bước 2: Thực hiện công tác phân tích.***

Thực hiện công việc phân tích dựa trên những số liệu đã tổng hợp được, các phương pháp phân tích đã chọn để tiến hành phân tích theo mục tiêu đã đề ra. Sau đó tổng hợp kết quả và rút ra kết luận. Sau khi phân tích xong, tiến hành lập các bảng đánh giá tổng hợp và đánh giá chi tiết.

#### ***Bước 3: Lập báo cáo phân tích (Kết thúc quá trình phân tích).***

- Đánh giá những ưu điểm và nhược điểm cơ bản trong kỳ của doanh nghiệp.
- Chỉ ra những nguyên nhân, nhân tố ảnh hưởng đến kết quả phân tích đó.
- Đề xuất những biện pháp nhằm khắc phục những thiếu sót, phát huy những mặt tốt, đồng thời khai thác những khả năng tiềm tàng của Công ty.

Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Hoàng Sơn có thể tiến hành phân tích Bảng cân đối kế toán năm 2016 như sau:

**a, Phân tích sự biến động và cơ cấu của tài sản tại Công ty CPTM Vận tải Hoàng Sơn.**

Phân tích sự biến động và cơ cấu của tài sản, nguồn vốn là đánh giá tình hình phân bổ cũng như sự thay đổi của tài sản, nguồn vốn của Công ty có hợp lý hay chưa? Từ đó nhà quản lý Công ty có thể đưa ra các biện pháp điều chỉnh phù hợp, giúp cho công tác quản lý của Công ty ngày càng hiệu quả hơn.

Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán của Công ty CPTM Vận tải Hoàng Sơn năm 2016, ta tiến hành lập bảng phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản như sau: (Biểu 3.1)



**Biểu 3.1:** Bảng phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản của Công ty CPTM Vận tải Hoàng Sơn

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2015	Chênh lệch (±)		Tỷ trọng	
			Số tiền (đ)	Tỷ lệ (%)	Số cuối năm (%)	Số đầu năm (%)
<b>A - Tài sản ngắn hạn</b>	<b>4.747.886.354</b>	<b>1.591.473.584</b>	<b>+3.156.412.770</b>	<b>+198,33</b>	<b>95,54</b>	<b>72.2</b>
I. Tiền và các khoản TĐ tiền	721.688.349	539.740.452	+181.947.897	+33,71	14,52	24,49
II. Các khoản ĐTTC ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	2.024.448.588	453.740.230	+1.570.708.358	+346,17	40,74	20,58
IV. Hàng tồn kho	1.853.653.693	530.316.892	+1.323.336.801	+249,54	37,3	24,6
V. Tài sản ngắn hạn khác	148.095.724	67.676.010	+80.419.714	+118,83	118,83	3,07
<b>B - Tài sản dài hạn</b>	<b>221.489.101</b>	<b>612.825.651</b>	<b>(391.339.550)</b>	<b>(63,86)</b>	<b>4,46</b>	<b>27,80</b>
I. Tài sản cố định	191.048.646	573.145.936	(382.097.290)	(66,67)	15,52	26,00
II. Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
III. Các khoản ĐTTC dài hạn	-	-	-	-	-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	30.437.455	39.679.715	(9.242.260)	(23,29)	0,61	1,80
<b>Cộng tài sản</b>	<b>4.969.372.455</b>	<b>2.204.299.235</b>	<b>+2.765.073.220</b>	<b>+125,44</b>	<b>100</b>	<b>100</b>

### **Nhận xét:**

Qua số liệu tính toán ở Biểu 3.1 ta có một số nhận xét như sau: Tổng tài sản năm 2016 là 4.969.372.454, năm 2015 là 2.204.299.235 đồng. Năm 2016 tăng so với năm 2015 là 2.765.073.220 đồng, tương đương với tỷ lệ tăng 125.44%. Trong đó “Tài sản dài hạn” giảm cụ thể năm 2016 là 221.489.101 đồng và năm 2015 là 612.825.651 đồng và do “Tài sản ngắn hạn” tăng nhiều cụ thể năm 2016 là 4.747.886.354 đồng và năm 2015 là 1.591.473.584 đồng nên vẫn làm cho tổng tài sản của Công ty tăng.

Tài sản ngắn hạn năm 2016 tăng mạnh so với năm 2015 là 3.156.412.770 đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng là 198.33%. Tài sản ngắn hạn tăng chủ yếu là do Hàng tồn kho tăng. Cụ thể: Chỉ tiêu “*Hàng tồn kho*” năm 2015 là 530.316.892 đồng chiếm tỷ trọng 24.06% trong tổng tài sản, năm 2016 là 1.853.653.693 đồng chiếm tỷ trọng 37.30%. Vậy Hàng tồn kho năm 2016 so với năm trước đã tăng 1.323.336.801 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 249.54%. Do năm 2016 Công ty mở rộng thị trường nên mua thêm nhiều hàng hóa về bán, dẫn tới hàng tồn trong kho tăng. Đây được coi là biểu hiện bình thường của Công ty trong năm 2016. Hơn nữa, do Công ty đã cam kết với nhà cung cấp sẽ nhập hàng theo từng đợt để được hưởng chiết khấu thương mại. Nên cứ đến kỳ Công ty sẽ nhập hàng hóa với số lượng nhất định, điều này sẽ thúc đẩy Công ty cần tìm kiếm thêm nhiều thị trường để bán ra số hàng đã nhập, muốn tiêu thụ nhanh thì phải chấp nhận cho khách hàng nợ.

Chỉ tiêu “*Tiền và các khoản tương đương với tiền*” năm 2016 so với năm 2015 tăng 181.947.897 đồng, tương đương với tỷ lệ tăng là 33.71%. Xét trên góc độ khả năng thanh toán thì đây là biểu hiện tốt vì Công ty đã có lượng tiền dự trữ tăng lên để đáp ứng nhu cầu thanh toán của Công ty, nhất là khi doanh nghiệp có nhu cầu thanh toán ngay. Nhưng xét trên góc độ hiệu quả sử dụng vốn thì việc tồn quỹ nhiều lại làm cho hiệu quả sử dụng vốn giảm.

Chỉ tiêu “*Tài sản ngắn hạn khác*” cũng tăng so với năm trước là 80.419.714 đồng, tương đương với tỷ lệ tăng là 118,83%.

Chỉ tiêu “*Các khoản phải thu ngắn hạn*” năm 2016 tăng 1.570.708.358 đồng so với năm 2015, tương ứng với tỷ lệ tăng 346,17%. Nguyên nhân là do doanh nghiệp chưa có chính sách, kế hoạch thu hồi nợ nên vẫn làm tăng các khoản phải thu khách hàng. Đây được coi là nhược điểm của Công ty trong công tác thu hồi công nợ. Do đó, trong thời gian tới Công ty cần đưa ra giải pháp để khắc phục

Hoàn thiện công tác lập và phân tochs bảng cân đối kế toán tại Công ty CPTM Vận tải Hoàng Sơn  
nhược điểm này để phân đầu tăng tỷ trọng của khoản mục này trong tổng Tài sản.

Tài sản dài hạn năm nay giảm so với năm trước là 391.336.550 đồng, tương ứng với tỷ lệ giảm 63,86%. Nguyên nhân là do chỉ tiêu “*Tài sản cố định*” và “*Tài sản dài hạn khác*” giảm. Cụ thể: “*Tài sản cố định*” giảm 382.097.290 đồng so với năm 2015, tương ứng với tỷ lệ 66,67%. Chỉ tiêu “*Tài sản dài hạn khác*” giảm 9.242.260 đồng so với đầu năm, tương ứng với tỷ lệ 23,29%. Điều này cho thấy trong năm vừa qua Công ty chưa quan tâm đến việc tăng cơ sở vật chất để phục vụ cho việc kinh doanh, tuy nhiên đối với công ty thương mại thì việc đầu tư nhiều tài sản cố định là không cần thiết.

### **b, Phân tích sự biến động và cơ cấu nguồn vốn tại Công ty CPTM Vận tải Hoàng Sơn.**

Công tác đánh giá tình hình tài chính của Công ty sẽ không đầy đủ nếu chỉ dựa vào phân tích sự biến động và cơ cấu của tài sản. Vì vậy, để hiểu rõ hơn tình hình tài chính của Công ty, chúng ta cần phải kết hợp phân tích sự biến động và cơ cấu của nguồn vốn. Dưới đây là bảng phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn Công ty CPTM Vận tải Hoàng Sơn (Biểu 3.2).

***Biểu 3.2:*** Bảng phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn của Công ty CPTM Vận tải Hoàng Sơn

*Đơn vị tính: VNĐ*

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2015	Chênh lệch (±)		Tỷ trọng	
			Số tiền (đ)	Tỷ lệ (%)	Số cuối năm (%)	Số đầu năm (%)
A - Nợ phải trả	2.961.138.413	557.479.561	+2.403.658.852	+431,17	59,59	25,29
I. Nợ ngắn hạn	2.961.138.413	557.479.561	+2.403.658.852	+431,17	59,59	25,29
II. Nợ dài hạn	-	-	-	-	-	-
B - Vốn chủ sở hữu	2.008.234.042	1.646.819.674	+361.414.368	+21,95	40,41	74,71
I. Vốn chủ sở hữu	2.008.234.042	1.646.819.674	+361.414.368	+21,95	40,41	74,71
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>4.969.372.455</b>	<b>2.204.299.235</b>	<b>+2.765.073.221</b>	<b>+125,44</b>	<b>100</b>	<b>100</b>

Phân tích cơ cấu nguồn vốn chúng ta thấy, để có vốn cho hoạt động kinh doanh, Công ty đã huy động từ những nguồn nào và mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến sự biến động của nguồn vốn. Qua đó có thể thấy mức độ hoạt động tài chính và khả năng thanh toán đối với các khoản nợ của Công ty.

Thông qua số liệu tính toán được ở Biểu 3.2 ta thấy Tổng nguồn vốn của năm 2016 so với năm 2015 tăng 2.765.073.220 đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng 125.44%. Điều đó chứng tỏ trong năm 2016 khả năng đáp ứng nhu cầu về vốn của Công ty tăng lên, do đó Công ty có điều kiện mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh. Sự tăng nguồn vốn phụ thuộc vào hai yếu tố là Nợ phải trả và Vốn chủ sở hữu. Nhưng nguồn vốn năm 2016 tăng so với năm 2015 chủ yếu là do Nợ phải trả tăng mạnh . Cụ thể: Chỉ tiêu “*Nợ phải trả*” của Công ty năm 2015 là 557.479.561 đồng, chiếm tỷ trọng 25,29% trong tổng số nguồn vốn. Đến năm 2016 chỉ tiêu này tăng lên 2.961.138.413 đồng, chiếm 59,59%. Điều đó chứng tỏ Công ty chưa thanh toán được các khoản nợ vay mà các khoản nợ vay tăng lên do Hàng tồn kho tăng lên chi tiết Chỉ tiêu “*Hàng tồn kho*” năm 2015 là 530.316.892 đồng chiếm tỷ trọng 24.06% trong tổng tài sản, năm 2016 là 1.853.653.693 đồng chiếm tỷ trọng 37.30%. Vậy Hàng tồn kho năm 2016 so với năm trước đã tăng 1.323.336.801 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 249.54%. Do Công ty đã cam kết với nhà cung cấp sẽ nhập hàng theo từng đợt để được hưởng chiết khấu thương mại dẫn đến nợ phải trả ngày càng tăng . Đây là chiều hướng tăng nợ phải trả trong khi khả năng thanh toán ngắn hạn của công ty thấp, làm khó khăn khi công ty gặp các khoản chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh.

“*Vốn chủ sở hữu*” năm 2016 tăng so với năm 2015 là 361.414.368 đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng là 21,95%. Đi sâu vào phân tích ta thấy, năm 2016 công ty đã mở rộng thị trường, tìm kiếm được nhiều khách hàng dẫn đến lượng hàng hóa của công ty tiêu thụ rất tốt, điều đó làm cho doanh thu của công ty năm vừa rồi khá lớn. Bên cạnh đó, năm vừa qua công ty đã có những chính sách quản lý chi phí, thắt chặt chi tiêu, giảm tối đa các khoản chi phí trong công ty. Kết hợp hai điều này làm cho lợi nhuận sau thuế của công ty tăng lên đáng kể. điều đó chứng tỏ trong năm 2016 Công ty làm ăn có lãi hơn so với những năm qua. Do đó làm cho vốn chủ sở hữu tăng. Đây là biểu hiện rất tốt, doanh nghiệp cần phát huy trong những kỳ tới.

### c, Phân tích tình hình tài chính của công ty thông qua hệ số khả năng thanh toán

Từ số liệu của Bảng cân đối kế toán (Biểu 2.12), ta lập được Bảng phân tích khả năng thanh toán của Công ty như sau (Biểu 3.3):

**Biểu 3.3:** Bảng phân tích khả năng thanh toán

Chỉ tiêu	Công thức tính	31/12/2016 (lần)	31/12/2015 (lần)	Chênh lệch (lần)
1. Hệ số thanh toán tổng quát	Tổng tài sản	1,69	3,95	-2,26
	Nợ phải trả			
2. Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn	Tài sản ngắn hạn	1,61	2,85	-1,24
	Nợ ngắn hạn			
3. Hệ số thanh toán nhanh	Tiền và các khoản tương đương tiền	0,2437	0,9682	(0,7245)
	Nợ ngắn hạn			

•**Hệ số thanh toán tổng quát:** Năm 2016 là 1,69 lần thấp hơn so với năm 2015 là 3,95 lần. Hệ số này cho biết năm 2016, cứ một đồng tiền vay thì có 1,69 đồng tài sản đảm bảo. Tuy giảm nhưng ở cả hai năm hệ số này đều lớn hơn 1 chứng tỏ Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản vay.

•**Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn:** Thể hiện mức độ đảm bảo của Tài sản ngắn hạn với Nợ ngắn hạn. Năm 2015, cứ một đồng Nợ ngắn hạn được đảm bảo bằng 2,85 đồng Tài sản ngắn hạn, nhưng năm 2016 thì một đồng Nợ ngắn hạn được đảm bảo thanh toán bằng 1,61 đồng Tài sản ngắn hạn. Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn của năm 2016 thấp hơn so với năm 2015 và cả 2 hệ số này đều lớn hơn 1 nên vẫn đảm bảo khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của công ty. Nhưng đó là dấu hiệu báo trước khó khăn tiềm ẩn về tài chính mà doanh nghiệp có thể gặp phải trong tương lai.

•**Hệ số thanh toán nhanh:** Đây có thể nói là thước đo về việc huy động tài sản có khả năng chuyển đổi ngay thành tiền để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn. Hệ số này bằng 0,9682 năm 2015 và giảm xuống 0,2437 vào năm 2016. Hệ số của cả 2 năm đều nhỏ hơn 1 cho thấy Công ty đang gặp khó khăn trong việc thanh toán nợ đến hạn.

**Tóm lại:** Thông qua việc phân tích, ta thấy tình hình tài chính của doanh nghiệp đang có chiều hướng xấu đi, Công ty cần cố gắng quản lý tài sản tốt hơn để tăng khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Chính vì vậy nên doanh nghiệp cần tiến hành phân tích Bảng cân đối kế toán nói riêng và các Báo cáo tài chính nói chung cuối mỗi niên độ kế toán nhằm tìm ra hướng giải quyết đúng đắn trong tương lai.

### ***3.3.3: Ý kiến đề xuất thứ ba: Công ty nên đẩy mạnh công tác thu hồi nợ phải thu khách hàng***

Từ phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản ở ý kiến đề xuất thứ hai, cho thấy chỉ tiêu “Các khoản phải thu ngắn hạn” có giá trị **2.024.448.588** đồng chiếm tỷ trọng **40,74%** trong tổng tài sản vẫn còn chiếm tỷ trọng cao. Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Hoàng Sơn đã để cho khách hàng chiếm dụng gần một nửa tổng tài sản của mình. Như vậy công tác thu hồi nợ đọng của công ty chưa tốt. Do khách hàng thường xuyên thanh toán chậm, nếu không thu hồi sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến tình hình tài chính của doanh nghiệp, làm ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng đồng vốn.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty cũng phải đi vay nợ và chịu một mức lãi suất. Và không phải lúc nào công ty cũng có thể huy động được vốn. Nên cần đẩy mạnh công tác thu hồi nợ để công ty dùng khoản này vào đầu tư, kinh doanh cũng như nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Trước tình trạng nợ phải thu kéo dài, công ty nên áp dụng những biện pháp thích hợp thu hồi nợ phải thu của khách hàng triệt để, hiệu quả, như:

- Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán khi khách hàng thanh toán sớm trước thời hạn các khoản nợ để khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh hơn. Mức chiết khấu mà doanh nghiệp cho khách hàng hưởng khi thanh toán sớm có thể nhận được bằng tiền hoặc hiện vật. Tỷ lệ chiết khấu có lợi cho khách hàng để thúc đẩy khách hàng trả nợ.

- Công ty nên thực hiện thu tiền ngay với những khách hàng có đơn hàng nhỏ, áp dụng thời hạn nợ cho những khách hàng này ngắn. Và với các khoản nợ của những đơn hàng lớn, công ty nên tập trung chủ yếu thu các khoản nợ này. Muốn vậy công ty nên có những biện pháp như:

- Rà soát lại các khoản phải thu của khách hàng và sắp xếp “tuổi” của từng khoản nợ phải thu của từng khách hàng. Xem xét khoản nợ nào có thể

- Xem xét điều khoản về thanh toán, xác định những khoản nợ nào của khách hàng nào được tính lãi do chậm trả hay số lãi chậm trả cụ thể của khách hàng là bao nhiêu.

- Kế toán tổng hợp khách hàng còn nợ đọng, xây dựng kế hoạch thu hồi nợ và phân công nhân viên chuyên trách thu hồi công nợ đúng hạn. Nhiệm vụ của nhân viên này là đốc thúc những khách hàng có khoản nợ đến hạn trả, với khách hàng có những khoản nợ quá hạn cần thương lượng đàm phán với khách hàng để đưa ra hướng giải quyết khoản nợ, còn nếu không đàm phán hay thương lượng được thì cần dùng đến pháp lý để tiến hành thu hồi nợ.

- Cùng đó thiết lập các chính sách khen thưởng, kỉ luật cho bộ phận hay cá nhân có thành tích tốt cũng như không hoàn thành nhiệm vụ trong công tác thu hồi nợ.



## KẾT LUẬN

Đề tài “**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty CPTM Vận tải Hoàng Sơn**” đã giải quyết được một số vấn đề sau:

• *Về mặt lý luận*: Đã hệ thống hóa được lý luận về công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

• *Về mặt thực tiễn*: Phản ánh thực tế công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty CPTM Vận tải Hoàng Sơn.

Từ đó đánh giá được những ưu, nhược điểm trong công tác kế toán nói chung và công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty nói riêng. Đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán cũng như công tác lập, phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty CPTM Vận tải Hoàng Sơn như:

- *Ý kiến đề xuất thứ nhất: Công ty nên nâng cao trình độ, kỹ năng cho các kế toán viên.*
- *Ý kiến đề xuất thứ hai: Công ty nên tổ chức công tác phân tích Bảng cân đối kế toán.*
- *Ý kiến đề xuất thứ ba: Công ty nên đẩy mạnh công tác thu hồi nợ phải thu khách hàng.*

Do thời gian và kiến thức có hạn nên bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế nhất định. Em rất mong nhận được những góp ý và giúp đỡ của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

***Em xin chân thành cảm ơn!***

*Hải Phòng, ngày 02 tháng 10 năm 2018*

*Sinh viên*

***Phan Thị Huyền Trang***

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nguyễn Văn Công (2005), *Chuyên khảo về Báo cáo tài chính và lập, đọc, kiểm tra, phân tích Báo cáo Tài chính*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán Doanh nghiệp.
3. Bộ Tài chính (2003), *Chuẩn mực Kế toán số 21- Trình bày Báo cáo Tài chính*, theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
4. Thông tư 138/2011/TT-BTC ngày 04/10/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp.
5. Thông tư 133.
6. Công ty CPTM Vận tải Hoàng Sơn: Tài liệu, sổ sách, Báo cáo tài chính.